

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
VIỆN NÔNG NGHIỆP VÀ TÀI NGUYÊN



ĐỀ ÁN

MỞ MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Tên ngành: Thú y

Mã số: 7640101

Trình độ đào tạo: Đại học chính quy

NGHỆ AN - 2023

MỤC LỤC

ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO.....	1
I. GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO.....	1
1.1. Giới thiệu khái quát về Trường Đại học Vinh.....	1
1.1.1. Giới thiệu chung	1
1.1.2. Lịch sử phát triển.....	2
1.1.3. Nguồn lực của Nhà trường:.....	4
1.1.4. Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Vinh	6
1.1.5. Cấu trúc tổ chức Hội đồng trường	8
1.2. Viện Nông nghiệp và Tài nguyên.....	8
1.2.1. Cơ cấu tổ chức và đội ngũ cán bộ	8
1.2.2. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu tổng quát	9
1.2.3. Chức năng và nhiệm vụ	9
1.2.4. Quy mô đào tạo	12
1.2.5. Cơ sở vật chất.....	12
1.2.6. Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế	12
II. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO THÚ Y, TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC....	13
2.1. Sự phù hợp với chiến lược phát triển của cơ sở đào tạo	15
2.2. Sự phù hợp về nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của địa phương, vùng, quốc gia	16
III. ĐIỀU KIỆN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐỂ MỞ NGÀNH.....	24
3.1. Thông tin chung.....	24
3.2. Căn cứ để xây dựng chương trình đào tạo.....	25
3.3. Tài liệu tham khảo xây dựng chương trình đào tạo ngành Thú y	25
3.4. Tóm tắt chương trình đào tạo	27
3.4.1. Mục tiêu của CTĐT	27
3.4.2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	28
3.4.3. Khối lượng kiến thức toàn khoá	31
3.4.4. Kế hoạch đào tạo	32
3.5. Kế hoạch tuyển sinh, đào tạo và đảm bảo chất lượng đào tạo	38
3.5.1. Kế hoạch tuyển sinh.....	38

3.5.2. Kế hoạch đảm bảo chất lượng đào tạo	39
IV. ĐIỀU KIỆN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ KHOA HỌC ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO.....	41
4.1. Đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học thực hiện chương trình đào tạo.....	41
4.3. Đội ngũ giảng viên thỉnh giảng giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo ngành Thú y	42
4.4. Đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo đại học hệ chính quy ngành Thú y.....	43
4.5. Xây dựng kế hoạch nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, cán bộ giảng viên	50
V. ĐIỀU KIỆN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO.....	51
VI. HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ	63
6.1. Hoạt động nghiên cứu khoa học	63
6.1.1. Các đề tài nghiên cứu của giảng viên cơ hữu đã thực hiện	63
6.1.2. Các công trình công bố của giảng viên cơ hữu đã thực hiện.....	64
6.2. Hợp tác quốc tế.....	67
VII. ĐIỀU KIỆN VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO.....	68
VIII. PHƯƠNG ÁN, GIẢI PHÁP ĐỀ PHÒNG, NGĂN NGỪA, XỬ LÝ RỦI RO TRONG MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO	68
8.1. Phân tích tình hình, dự báo các rủi ro khi mở ngành.....	68
8.1.1. Quản lý đầu vào.....	69
8.1.2. Quản lý quá trình đào tạo	70
8.1.3. Quản lý các yếu tố đầu ra.....	70
8.2. Quản lý những rủi ro khi mở ngành Thú y.....	70
8.2.1. Quản lý rủi ro trên cơ sở phân tích SWOT.....	70
8.2.2. Giải pháp xử lý rủi ro trong trường hợp cơ sở đào tạo bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo	71

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Đội ngũ cán bộ chủ chốt của Viện Nông nghiệp và Tài nguyên	11
Bảng 2. Khảo sát nhu cầu đào tạo nhân lực ngành Thú y trình độ đại học từ nay đến năm 2025 tại tỉnh Nghệ An.....	16
Bảng 3. Khảo sát nhu cầu đào tạo nhân lực ngành Thú y trình độ đại học cần tuyển tại các công ty từ năm 2021-2025	17
Bảng 4: Bảng so sánh khối lượng tín chỉ của chương trình đào tạo của Trường Đại học Vinh và các trường Đại học khác	27
Bảng 5. Mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT	31
Bảng 6. Khối lượng kiến thức ngành Thú y	31
Bảng 7. Đội ngũ giảng viên cơ hữu đứng tên mở ngành Thú y trình độ đại học	41
Bảng 8. Danh sách giảng viên thỉnh giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo ngành Thú y trình độ đại học	43
Bảng 9. Danh sách giảng viên giảng dạy các học phần thuộc chuyên ngành Thú y.....	43
Bảng 10. Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các học phần	45
Bảng 11. Danh sách giảng các ngành có liên quan tham gia giảng dạy ngành Thú y ..	46
Bảng 12. Danh sách kỹ thuật viên, nhân viên cơ hữu hướng dẫn thí nghiệm phục vụ ngành Thú y	48
Bảng 13. Kế hoạch nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, cán bộ giảng viên.....	50
Bảng 14. Đội ngũ giảng viên giảng dạy 2 năm đầu	50
Bảng 15. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy của Nhà trường.....	53
Bảng 16. Hệ thống phòng thực hành, trang thiết bị phục vụ thực hành, thực tập.....	55
Bảng 17. Kế hoạch tăng cường cơ sở vật chất phục vụ đào tạo.....	62
Bảng 18. Danh sách đề tài nghiên cứu của giảng viên cơ hữu đã thực hiện liên quan đến ngành.....	63
Bảng 19. Danh mục các công trình công bố của giảng viên cơ hữu đã thực hiện liên quan đến ngành Thú y	64
Bảng 20. Danh sách cán bộ quản lý cấp Viện đối với ngành Thú y, trình độ đại học ..	68

DANH SÁCH TỪ VIẾT TẮT

Ký hiệu	Diễn giải
CDR	Chuẩn đầu ra
CBVC, HSSV	Cán bộ viên chức, học sinh sinh viên
CNTT	Công nghệ thông tin
CSGD	Cơ sở giáo dục
CSVC	Cơ sở vật chất
CTDH	Chương trình dạy học
CTĐT	Chương trình đào tạo
ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
GD&ĐT	Giáo dục và đào tạo
KDCLGD	Kiểm định chất lượng giáo dục
KHCN	Khoa học công nghệ
NCKH	Nghiên cứu khoa học
THPT	Trung học phổ thông

ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Tên ngành đào tạo: **Thú y**

Mã số: **7640101**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Kính gửi: TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

I. GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu khái quát về Trường Đại học Vinh

1.1.1. Giới thiệu chung

Trường Đại học Vinh là đơn vị sự nghiệp công lập, trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT), có tư cách pháp nhân, có tài khoản, con dấu và biểu tượng riêng; có chức năng, nhiệm vụ: Đào tạo giáo viên, kỹ sư, cử nhân có trình độ đại học và sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao của đất nước và một số nước trong khu vực; đào tạo học sinh Trung học phổ thông (THPT) chuyên nhằm bồi dưỡng nhân tài cho đất nước; nghiên cứu khoa học (NCKH) và chuyển giao công nghệ phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của vùng Bắc Trung Bộ và cả nước; triển khai các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Tên trường: **Trường Đại học Vinh**

Tên tiếng Anh: **Vinh University**

Trụ sở chính: Số 182, đường Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Liên hệ: Điện thoại: (038) 3855452

Fax: (038) 3855269

Website: www.vinhuni.edu.vn

Email: vinhuni@vinhuni.edu.vn

Năm bắt đầu đào tạo khóa I: 1959

Chính sách chất lượng:

i. Phát triển bền vững giáo dục và khoa học công nghệ (KH-CN); phát huy tinh thần tận tụy, thói quen làm việc theo quy trình và ISO trong mọi lĩnh vực; cam kết đảm bảo dự đoán và kiểm toán một cách khách quan để chuẩn hóa các kết quả đạt được.

ii. Đảm bảo cung cấp cơ sở vật chất (CSVC), trang thiết bị đầy đủ cho giáo dục đại học, chuyên nghiệp và kịp thời cho việc thực hiện các mục tiêu chất lượng giáo dục và

NCKH trong từng thời kỳ phát triển.

iii. Tăng cường hợp tác với các trường thuộc top 500 của châu Á về giáo dục và NCKH; học tập mô hình quản lý hiện đại; tiếp cận khoa học, kỹ thuật tiên tiến và các phương pháp thực hành tốt nhất trong thực tiễn; thực hiện chuyển giao KHCN; tất cả chương trình đào tạo (CTĐT) và văn bằng của Trường đều được các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục (KĐCLGD) có uy tín kiểm định và công nhận.

Sứ mạng: Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục (CSGD) đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, dẫn dắt sự phát triển GD&ĐT của khu vực Bắc Trung Bộ; là trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, góp phần thúc đẩy sự phát triển của quốc gia và quốc tế.

Tầm nhìn: Trường Đại học Vinh trở thành đại học thông minh, xếp hạng top 500 đại học hàng đầu châu Á vào năm 2030, xếp hạng top 1.000 đại học hàng đầu thế giới vào năm 2045.

Giá trị cốt lõi:

Trung thực (*Honesty*)

Trách nhiệm (*Accountability*)

Say mê (*Passion*)

Sáng tạo (*Creativity*)

Hợp tác (*Collaboration*)

Triết lý giáo dục:

Hợp tác - Sáng tạo

1.1.2. Lịch sử phát triển

Trường Đại học Vinh được thành lập năm 1959 theo Nghị định số 375/NĐ của Bộ trưởng Bộ Giáo dục với tên gọi ban đầu là Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh. Ngày 29/02/1962, Bộ trưởng Bộ Giáo dục có Quyết định số 637/QĐ đổi tên Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Sư phạm Vinh. Ngày 25/4/2001, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh. Ngày 11/07/2011, Thủ tướng Chính phủ có Công văn số 1136/TTg-KGVX đưa Trường Đại học Vinh vào danh sách xây dựng thành trường đại học trọng điểm quốc gia.

Là một trong những trường đại học đầu tiên của nền giáo dục cách mạng Việt Nam, Nhà trường vinh dự được đóng trên quê hương của Chủ tịch Hồ Chí Minh - vùng địa linh nhân kiệt, có truyền thống hiếu học, yêu nước và cách mạng.

Từ khi thành lập đến nay, Trường đã trải qua 5 giai đoạn phát triển:

- Từ Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh đến Trường Đại học Sư phạm Vinh (1959 - 1965).
- Trường Đại học Sư phạm Vinh trong những năm sơ tán (1965 - 1973).
- Trường Đại học Sư phạm Vinh vượt qua khó khăn, từng bước đa ngành (1973 - 2001).
- Sự phát triển của Trường Đại học Vinh đa ngành (2001 - 2019).
- Xây dựng Trường Đại học Vinh thành Đại học Vinh, là trụ cột của các CSGD đại học khu vực Bắc Trung Bộ, hướng tới xếp hạng top 500 đại học hàng đầu châu Á (2019 - nay).

Từ Trường Đại học Sư phạm Vinh đến Trường Đại học Vinh hôm nay là thành quả của sự phấn đấu liên tục, bền bỉ, sáng tạo, tự chủ của các thế hệ lãnh đạo, CBVC, HSSV và học viên của Nhà trường. Những thành quả đó khẳng định uy tín và vị thế của Trường Đại học Vinh trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam và trên thế giới.

Trong 63 năm qua, Nhà trường đã đào tạo trên 80.000 cử nhân sư phạm, cử nhân khoa học, kỹ sư; 6.500 thạc sĩ và hàng trăm tiến sĩ. Sinh viên tốt nghiệp từ Trường Đại học Vinh có việc làm sau 1 năm đạt trên 90%, trong đó có nhiều ngành đạt 100%. Nhiều cựu sinh viên của Trường đã trở thành các nhà khoa học, chuyên gia đầu ngành, cán bộ quản lý tại các CSGD, đào tạo, các viện nghiên cứu, các trung tâm khoa học, công nghệ, kinh tế lớn trong nước và quốc tế.

Với những kết quả toàn diện trong 63 năm xây dựng và phát triển, tập thể Nhà trường, các đơn vị và cá nhân trong Trường đã được tặng nhiều phần thưởng cao quý: Danh hiệu Anh hùng Lao động trong thời kỳ đổi mới (năm 2004), Huân chương Độc lập hạng Nhất (năm 2009, năm 2014), Huân chương Lao động hạng Nhất (năm 1992, năm 2019), Huân chương Lao động hạng Ba của Nước Cộng hòa dân chủ Nhân dân Lào (năm 2019), Huân chương Hữu nghị của Nước Cộng hòa dân chủ Nhân dân Lào (năm 2009, năm 2011 và năm 2017) và nhiều phần thưởng cao quý khác.

Trường đã có 05 cán bộ được tặng danh hiệu Nhà giáo Nhân dân, 37 cán bộ được tặng danh hiệu Nhà giáo ưu tú; có 11 đơn vị và 43 cá nhân được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhì, Huân chương Lao động hạng Ba.

Theo bảng xếp hạng các trường đại học trên thế giới của tổ chức CSIC, hằng năm Trường Đại học Vinh đều được xếp trong top 20 các CSGD đại học của Việt Nam.

Trường Đại học Vinh đạt chuẩn 4 sao theo định hướng nghiên cứu theo Hệ thống đối sánh chất lượng giáo dục đại học (UPM) của 100 trường đại học hàng đầu châu Á (trong đó có nhiều tiêu chí đạt 5 sao). Theo bảng xếp hạng SCImago (SCImago Institutions Rankings) Trường Đại học Vinh xếp ở vị trí thứ 16 trong 22 trường đại học của Việt Nam.

1.1.3. Nguồn lực của Nhà trường:

Trường có 3 trường thuộc (*trong đó có 20 khoa đào tạo*), 4 viện, 4 khoa đào tạo trực thuộc Trường, 1 Trường THPT Chuyên, 1 Trường Thực hành Sư phạm; có 22 phòng ban, trung tâm, trạm và 2 Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh và tỉnh Thanh Hóa.

➤ Đội ngũ cán bộ

Đội ngũ cán bộ cơ bản đủ về số lượng, đạt chuẩn về chất lượng, đồng bộ về cơ cấu với 1009 CBVC, trong đó có 52 giáo sư, phó giáo sư, 254 tiến sĩ, 227 thạc sĩ... Trường có 271 giảng viên hạng III; 227 giảng viên hạng II; 52 giảng viên hạng I. Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ trở lên là 55,63%.

➤ Hoạt động đào tạo

Trường đào tạo 57 ngành đại học (*trong đó có 3 ngành đại học chất lượng cao*), 38 chuyên ngành thạc sĩ, 17 chuyên ngành tiến sĩ. Ngoài ra, Trường Đại học Vinh còn có 2 trường trực thuộc (Trường THPT Chuyên, Trường Thực hành Sư phạm). Quy mô đào tạo của Trường là gần 35.000 HSSV, học viên, trong đó HSSV, học viên chính quy là 22.000 người.

Trong 57 ngành đào tạo đại học, Trường có 14 ngành đào tạo giáo viên là các ngành truyền thống, cung cấp nguồn giáo viên chất lượng cao cho cả nước. Trong quá trình xây dựng và phát triển, chất lượng đào tạo luôn được Nhà trường quan tâm hàng đầu. Từ năm 2017, Nhà trường đã xây dựng và phát triển CTĐT tiếp cận CDIO cho tất cả các ngành đào tạo đại học và chuyên ngành đào tạo sau đại học. Để triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông mới, Trường đang tập trung xây dựng các mô hình đào tạo giáo viên nói riêng, đào tạo các nguồn nhân lực nói chung theo tiếp cận năng lực, đổi mới mạnh mẽ phương pháp giảng dạy, ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), phát triển hệ thống hỗ trợ dạy học e-Learning, các hình thức dạy học trực tuyến nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo.

Công tác bồi dưỡng thường xuyên cũng được Nhà trường quan tâm đẩy mạnh với các chương trình bồi dưỡng phong phú, đa dạng. Đặc biệt, với sự hỗ trợ của Chương trình

phát triển các trường sư phạm để nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý CSGD phổ thông (ETEP), Nhà trường đã và đang đóng góp có hiệu quả công tác bồi dưỡng thường xuyên giáo viên các cấp học cho các tỉnh khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước.

➤ **Đảm bảo chất lượng**

Nhà trường đã sớm triển khai các hoạt động đảm bảo chất lượng (ĐBCL). Năm 2017, Nhà trường đã được công nhận đạt tiêu chuẩn KĐCL CSGD. Từ năm 2018 đến nay đã có 12 CTĐT đại học chính quy được đánh giá ngoài theo Bộ tiêu chuẩn Quốc gia và được công nhận đạt chuẩn chất lượng giáo dục (*Kỹ thuật xây dựng, Ngôn ngữ Anh, Quản trị kinh doanh, Giáo dục Tiểu học, Sư phạm Hóa học, Giáo dục Mầm non, Kế toán, Luật Kinh tế, Giáo dục Thể chất, Sư phạm Lịch sử, Sư phạm Tiếng Anh, Tài chính - Ngân hàng*). Có 2 CTĐT đại học chính quy được đánh giá ngoài và được công nhận đạt chuẩn chất lượng theo bộ tiêu chuẩn AUN-QA là Sư phạm Toán học và CNTT.

➤ **Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế**

Hoạt động NCKH của Trường tập trung trên 3 lĩnh vực: khoa học cơ bản, KHGD và KHCN, ứng dụng - triển khai. Nhà trường đã xây dựng Chiến lược phát triển KHCN giai đoạn 2018 - 2020, tầm nhìn đến năm 2025; ban hành Quy định về quản lý các hoạt động KHCN.

Trong những năm gần đây, cán bộ, giảng viên của Trường đã chủ trì và tham gia triển khai nhiều dự án KHCN của Chính phủ, các đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu cấp Bộ, cấp Nhà nước. Trung bình hàng năm, Trường thực hiện 120 đề tài/dự án các cấp với tổng kinh phí gần 9,4 tỷ đồng, chiếm khoảng 4% tổng kinh phí hoạt động của Nhà trường; trong đó có 48,65% kinh phí thực hiện đề tài/dự án cấp nhà nước, cấp bộ từ nguồn ngân sách Trung ương, 14,04% kinh phí thực hiện đề tài/dự án cấp tỉnh từ nguồn ngân sách địa phương, 37,31% là đề tài cấp trường.

Hoạt động hợp tác quốc tế của Trường được đẩy mạnh. Nhà trường có quan hệ hợp tác đào tạo, NCKH, bồi dưỡng cán bộ với hàng chục CSGD đại học, các tổ chức khoa học quốc tế từ Châu Âu, Châu Á, Châu Mỹ và Châu Úc. Trong những năm qua, Trường đã ký kết các chương trình hợp tác song phương với nhiều trường đại học lớn trên thế giới tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, giảng viên, sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh tham gia học tập, NCKH.

Nhà trường cũng đã chủ trì tổ chức nhiều hội thảo khoa học khu vực và quốc tế; tạo lập được các nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh với các nhà khoa học đầu ngành như: nhóm nghiên cứu Quang học - Quang phổ, nhóm nghiên cứu Xác suất và Thống kê, nhóm nghiên cứu Ngôn ngữ học... ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động đối với nhóm nghiên cứu của Trường Đại học Vinh. Nhà trường đã có chính sách mạnh về việc khen thưởng cho các tác giả có công bố quốc tế hàng năm. Trong 5 năm gần đây, Trường luôn nằm trong top 15 trường đại học có công bố quốc tế nhiều nhất ở Việt Nam. Năm 2020, Trường có 157 bài; năm 2021, số lượng công bố khoa học trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục Web of Science và Scopus trên 200 bài; vượt chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ trường lần thứ XXXII đề ra (*đạt mốc 100 bài/năm vào năm 2022*).

Hoạt động NCKH của sinh viên được quan tâm đầy mạnh. Từ năm học 2018 - 2019, Nhà trường đổi mới hoạt động NCKH của sinh viên. Số đề tài tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học sinh viên và đạt giải thưởng "Tài năng khoa học trẻ Việt Nam", giải thưởng "Sinh viên NCKH" cấp Bộ ngày càng tăng. Trong 5 năm qua, đã có hàng trăm đề tài NCKH của sinh viên được thực hiện.

Tạp chí Khoa học của Trường mỗi năm ra 4 kỳ có chất lượng tốt, được nâng cấp theo các tiêu chuẩn của Hệ thống cơ sở dữ liệu ASEAN (ACI).

➤ **Cơ sở vật chất**

Về CSVC, Trường Đại học Vinh có Cơ sở chính tại số 182, đường Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Trong những năm qua, với sự quan tâm đầu tư của Chính phủ, Bộ GD&ĐT và sự giúp đỡ của tỉnh Nghệ An, tỉnh Hà Tĩnh, Nhà trường đã có hệ thống CSVC hiện đại, cơ bản đáp ứng được yêu cầu của Nhà trường trong thời kỳ hội nhập, được đánh giá là CSGD đại học có CSVC vào top đầu của cả nước. Trường có: 10 hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ; 36 phòng học từ 100 đến 200 chỗ; 85 phòng học từ 50 đến 100 chỗ; 155 phòng học dưới 50 chỗ; 16 phòng học đa phương tiện; 78 phòng làm việc của các đơn vị chức năng; 14 phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu; 2 thư viện, trung tâm học liệu; 3 trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập. Hệ thống phòng học được trang bị đầy đủ tiện nghi cho giảng dạy và học tập. Quy hoạch đất để xây dựng Trường đã được phê duyệt là 130 ha, trong đó diện tích đã được xây dựng và đưa vào sử dụng là 44,12 ha.

1.1.4. Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Vinh

Trường Đại học Vinh hiện nay được tổ chức theo mô hình quản lý 3 cấp đó là cấp

Trường Đại học Vinh (cấp 1), cấp Trường/Khoa/Viện thuộc và trực thuộc (cấp 2), cấp Khoa chuyên ngành/Bộ môn (cấp 3). Các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường Đại học Vinh hiện nay gồm 3 trường thuộc, 4 viện, 4 khoa, 1 Trường THPT Chuyên, 1 Trường Thực hành Sư phạm; có 22 phòng ban, trung tâm, trạm và 2 Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh và tỉnh Thanh Hóa.

Đảng bộ Trường Đại học Vinh là đảng bộ cơ sở trực thuộc Đảng bộ tỉnh Nghệ An. Hiện nay, Đảng bộ có 8 đảng bộ bộ phận (*trong đó có 26 chi bộ cán bộ, 10 chi bộ học viên, sinh viên*), 19 chi bộ trực thuộc Đảng ủy Trường. Toàn Trường có 1.012 đảng viên, gồm 703 cán bộ và 309 sinh viên.

Nhà trường có các đoàn thể quần chúng: Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, Hội Cựu chiến binh. Công đoàn Trường Đại học Vinh trực thuộc Công đoàn Giáo dục Việt Nam với 29 Công đoàn bộ phận; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Trường Đại học Vinh trực thuộc Tỉnh đoàn Nghệ An với 11 Đoàn trường thuộc/trực thuộc, Đoàn viện, Liên chi đoàn và 2 chi đoàn trực thuộc; Hội Sinh viên Việt Nam Trường Đại học Vinh trực thuộc Hội Sinh viên Việt Nam tỉnh Nghệ An với 3 Hội Sinh viên trường thuộc, 7 Liên chi Hội Sinh viên khoa/viện; Hội Cựu chiến binh Trường Đại học Vinh trực thuộc Hội Cựu chiến binh tỉnh Nghệ An với 3 chi hội trực thuộc.

- Hội đồng trường gồm 19 thành viên.

- Ban Giám hiệu: gồm Hiệu trưởng và 2 Phó Hiệu trưởng.

- 3 trường thuộc, 4 viện, 4 khoa gồm: Trường Sư phạm, Trường Kinh tế, Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn, Viện Kỹ thuật và Công nghệ, Viện Công nghệ Hóa sinh - Môi trường, Viện Nông nghiệp và Tài nguyên, Viện NC&ĐTTT, Khoa Giáo dục Thể chất, Khoa Giáo dục Quốc phòng, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ, Khoa Xây dựng.

- 2 trường trực thuộc: Trường THPT Chuyên, Trường Thực hành Sư phạm.

- 22 phòng ban, trung tâm, trạm: Văn phòng Đảng - Hội đồng trường - Đoàn thể, Phòng CTCT-HSSV, Phòng Đào tạo, Phòng Đào tạo Sau đại học, Phòng Hành chính Tổng hợp, Phòng KH&HTQT, Phòng Kế hoạch - Tài chính, Phòng Quản trị và Đầu tư, Phòng Tổ chức Cán bộ, Phòng Thanh tra - Pháp chế, Ban Quản lý Cơ sở II, Trung tâm ĐBCL, Trung tâm DV, HTSV&QHĐN, Trung tâm Giáo dục quốc phòng và An ninh, Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Trung tâm KĐCLGD, Trung tâm Nghiên cứu - Khởi nghiệp sáng tạo, Trung tâm Nội trú, Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm, Trung tâm Thông tin - Thư viện Nguyễn Thúc Hào, Nhà Xuất bản, Trạm Y tế.

- 2 Văn phòng đại diện: Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh, Văn phòng đại diện tại tỉnh Thanh Hóa.

1.1.5. Cấu trúc tổ chức Hội đồng trường

Hội đồng trường (nhiệm kỳ 2020 - 2025) được thành lập theo Quyết định số 1626/QĐ-BGDĐT ngày 19/6/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

Cơ cấu tổ chức của Hội đồng trường được quy định trong Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh.

Hội đồng trường gồm có 19 thành viên (*13 thành viên trong Trường và 6 thành viên ngoài Trường*). Trong đó có Thường trực Hội đồng trường, Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Thư ký và các Ban thuộc Hội đồng trường, bao gồm: Ban Quản trị - Chiến lược; Ban Tổ chức - Nhân sự; Ban Đào tạo - Khoa học; Ban Tài chính - Tài sản

1.2. Viện Nông nghiệp và Tài nguyên

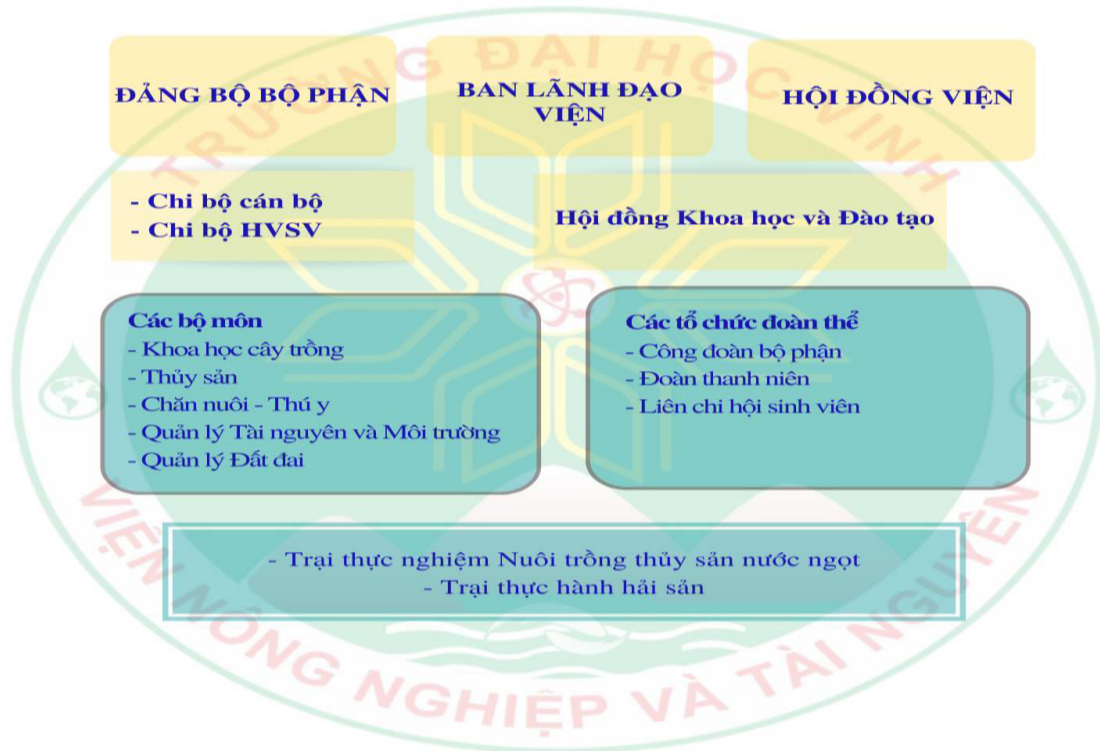
Viện Nông nghiệp và Tài nguyên trên cơ sở Khoa Nông Lâm Ngư (thành lập 17/04/2002), đã được thành lập ngày 08 tháng 06 năm 2017 theo Quyết định số 565/QĐĐHV của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh. Từ đó, Viện Nông nghiệp và Tài nguyên đã chủ động xây dựng kế hoạch và chiến lược phát triển Viện trong giai đoạn 2017 – 2020; năm 2018 Viện được sát nhập thêm 02 ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Quản lý đất đai từ khoa Địa lý tài nguyên, nâng tổng số ngành đào tạo của Viện lên 06 ngành gồm: Nuôi trồng thủy sản; Nông học; Khuyến nông; Chăn nuôi; Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Quản lý đất đai.

1.2.1. Cơ cấu tổ chức và đội ngũ cán bộ

- **Cơ cấu tổ chức:** Cơ cấu tổ chức của Viện Nông nghiệp và Tài nguyên được mô tả như Hình 1.2, bao gồm Ban lãnh đạo (01 Viện trưởng và 02 Phó Viện trưởng); Hội đồng Khoa học và Đào tạo; các Bộ môn; Hành chính - Văn phòng; tổ chức Đảng, các tổ chức chính trị - xã hội (Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên) được tổ chức và hoạt động theo điều lệ của Đảng và điều lệ của các tổ chức.

- **Đội ngũ cán bộ:** Viện Nông nghiệp và Tài nguyên có 05 Bộ môn, 02 trại thực nghiệm (Trại thực hành Hải sản, Trại thực nghiệm thủy sản ngọt Hưng Nguyên) với tổng số 44 cán bộ (01 GVC; 40 GV, 02 cán bộ kỹ thuật trại; 01 CBVP), trong đó có 24 Tiến sỹ; 17 Thạc sỹ; 02 cử nhân và có 10 cán bộ đang học NCS (03 NCS nước ngoài, 07 NCS trong nước).

**SƠ ĐỒ CẤU TRÚC TỔ CHỨC
VIỆN NÔNG NGHIỆP VÀ TÀI NGUYÊN**



Hình 1.2. Cơ cấu tổ chức Viện Nông nghiệp và Tài nguyên

1.2.2. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu tổng quát

- **Sứ mạng:** Viện Nông nghiệp và Tài nguyên, Trường Đại học Vinh là đơn vị giáo dục đại học đào tạo kỹ sư các ngành: Nuôi trồng thủy sản, Nông học, Chăn nuôi, Quản lý tài nguyên và môi trường, Quản lý đất đai; là trung tâm nghiên cứu khoa học ứng dụng và chuyển giao công nghệ hàng đầu của khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước, luôn hướng tới sự thành đạt của người học.

- **Tầm nhìn đến năm 2030:** Viện Nông nghiệp và Tài nguyên trở thành Trường Đại học khối Nông nghiệp - Tài nguyên - Môi trường trực thuộc Đại học Vinh.

- **Mục tiêu tổng quát:** Mục tiêu Viện Nông nghiệp và Tài nguyên là đào tạo, bồi dưỡng kỹ sư và cán bộ khoa học có chất lượng cao; thực hiện các nghiên cứu khoa học cơ bản, nghiên cứu ứng dụng phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của cả nước. Người học sau khi tốt nghiệp có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có kiến thức cơ bản, chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng; có khả năng tự học, tự nghiên cứu, sáng tạo và giải quyết những yêu cầu của lý luận, thực tiễn giáo dục đặt ra; tự thích ứng để học tập suốt đời; có năng lực ngoại ngữ, tin học đủ đáp ứng yêu cầu công việc và hội nhập quốc tế.

1.2.3. Chức năng và nhiệm vụ

➤ **Về chức năng:** Viện Nông nghiệp và Tài nguyên là một đơn vị trực thuộc

Trường Đại học Vinh có chức năng chính là tổ chức thực hiện các hoạt động đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ và các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực Khoa học cây trồng, Quản lý đất đai, Quản lý Tài nguyên môi trường, Nuôi trồng thủy sản và Chăn nuôi.

➤ **Về nhiệm vụ:** Viện Nông nghiệp và Tài nguyên thực hiện các nhiệm vụ sau đây

- Quản lý viên chức, giảng viên, người lao động và người học thuộc Viện theo phân cấp của Hiệu trưởng.

- Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục đào tạo theo kế hoạch chung của Trường, bao gồm:

+ Xây dựng chương trình đào tạo của các ngành, chuyên ngành được Trường giao nhiệm vụ.

+ Tổ chức biên soạn đề cương chi tiết các học phần của các chương trình đào tạo.

+ Tổ chức phát triển các chương trình đào tạo, xây dựng các đề án, biên soạn, tài liệu, bài giảng, giáo trình theo định hướng phát triển chung của Trường.

+ Tổ chức nghiên cứu cải tiến phương pháp giảng dạy, học tập; xây dựng và thực hiện phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên, đảm bảo đạt chuẩn đầu ra theo cam kết đã được công bố, đáp ứng nhu cầu của nhà sử dụng lao động. Việc phát triển chương trình đào tạo, giáo trình, tài liệu giảng dạy phải được thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường.

- Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế; hợp tác với các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở sản xuất kinh doanh đến các ngành nghề đào tạo và huy động sự tham gia của doanh nghiệp vào quá trình đào tạo của Khoa.

- Xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ viên chức, giảng viên, ngành nghề đào tạo và cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo và nghiên cứu khoa học, tăng cường điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho viên chức, giảng viên và người học; có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho viên chức, giảng viên thuộc Viện.

- Quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị được giao theo quy định của Nhà nước và của Trường. Xây dựng kế hoạch bổ sung, bảo trì thiết bị dạy và học, thực hành, thực tập, thí nghiệm và thực nghiệm khoa học.

- Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê về hoạt động của Viện theo định kỳ và theo yêu cầu của Hiệu trưởng.

- Bảo vệ lợi ích, giữ gìn và phát triển thương hiệu của Trường Đại học Vinh trong các quan hệ giao dịch, hợp tác với các tổ chức, cá nhân bên ngoài Nhà trường.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hiệu trưởng giao.

Bảng 1. Đội ngũ cán bộ chủ chốt của Viện Nông nghiệp và Tài nguyên

TT	Bộ phận	Họ và tên	Chức vụ
1	Lãnh đạo Viện	TS. Nguyễn Đình Vinh	Viện trưởng
		TS. Lê Minh Hải	Phó Viện trưởng
		ThS. Đậu Khắc Tài	Phó Viện trưởng
2	Cấp uỷ Đảng bộ BP Viện	Đ/c Nguyễn Đình Vinh	Bí thư Đảng bộ
		Đ/c Lê Minh Hải	Phó Bí thư Đảng bộ
		Đ/c Đậu Khắc Tài	Cấp Uỷ viên
		Đ/c Cao Thị Thu Dung	Cấp Uỷ viên
		Đ/c Nguyễn Văn Hoàn	Cấp Uỷ viên
3	Chi bộ cán bộ	Đ/c Lê Minh Hải	Bí thư chi bộ
4	Chi bộ học sinh, sinh viên	Đ/c Cao Thị Thu Dung	Bí thư chi bộ
5	Hội đồng Viện	TS. Nguyễn Đình Vinh	Chủ tịch Hội đồng
6	Công đoàn Viện	ThS. Nguyễn Văn Hoàn	Chủ tịch CĐBP
7	Đoàn viên	ThS. Cao Thị Thu Dung	Bí thư Đoàn viên
8	Bộ môn Chăn nuôi – Thú y	TS. Tạ Thị Bình	Trưởng Bộ môn
9	Bộ môn Thủy sản	TS. Phạm Mỹ Dung	Trưởng Bộ môn
10	Bộ môn Khoa học cây trồng	TS. Nguyễn Hữu Hiền	Trưởng Bộ môn
11	Bộ môn Quản lý đất đai	TS. Trần Đình Du	Trưởng Bộ môn
12	Bộ môn QLTN và MT	TS. Hoàng Anh Thế	Phụ trách Bộ môn

1.2.4. Quy mô đào tạo

Mặc dù quy mô tuyển sinh giai đoạn 2018-2022 có phần giảm do nhiều tác động khách quan và chủ quan, nhưng vẫn giữ ổn định các lớp sinh viên hệ chính quy, vừa làm vừa học đào tạo tại Trường và cả địa phương.

1.2.5. Cơ sở vật chất

Viện Nông nghiệp và Tài nguyên hiện đang sử dụng các phòng thực hành, thí nghiệm về chuyên ngành và cơ sở ngành của các ngành Chăn nuôi, Thủy sản, Nông học, Quản lý đất đai và Quản lý tài nguyên Môi trường. Hiện tại đang xây dựng đề án chuẩn bị thành lập các phòng thí nghiệm chuyên sâu về Thú y

1.2.6. Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế

Viện Nông Nghiệp và Tài nguyên cũng đã chủ trì thực hiện và hoàn thành nhiều nhiệm vụ nghiên cứu khoa học. Trong nhiệm kỳ 2020 - 2022 đã nghiệm thu 01 đề tài/nhiệm vụ khoa học cấp nhà nước, 02 đề tài cấp bộ, 02 nhiệm vụ quỹ gen cấp bộ, 01 đề tài cấp tỉnh và 05 đề tài cấp cơ sở.

- Viện cũng đã có 08 giáo trình và 17 tài liệu tham khảo, sách chuyên khảo, sách đặt hàng của nhà nước được xuất bản, có 114 bài báo đăng trên các tạp chí, hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế, trong đó có 23 bài báo quốc tế đăng trên các tạp chí có uy tín. Đã làm thụ tục và ký hợp đồng chuyển giao công nghệ cho 02 doanh nghiệp trong chương trình nông thôn miền núi.

- Công tác nghiên cứu khoa học, phong trao ý tưởng khởi nghiệp của sinh viên cũng được chú trọng và tăng cường, trong đó đã đạt 01 giải 3 sinh viên NCKH cấp bộ; 01 giải nhì sinh viên NCKH cấp trường và 01 dự án khởi nghiệp của sinh viên đạt giải khuyến khích cấp tỉnh đoàn, 01 giải ba cuộc thi Flag Up (Tìm kiếm ý tưởng, dự án khởi nghiệp sinh viên do đoàn trường tổ chức).

- Công tác hợp tác với các Viện nghiên cứu, Trường Đại học, các Công ty doanh nghiệp trong lĩnh vực Nông nghiệp ngày càng đi vào chiều sâu. Trong đó có việc tiến tới ký kết hợp tác toàn diện với Viện, Trường và các doanh nghiệp trong lĩnh vực Nông Lâm Ngư - Tài nguyên, môi trường. Đặc biệt đã tham mưu nhà Trường ký kết hợp tác toàn diện với 05 doanh nghiệp (Công ty Cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam, Công ty Cổ phần GreenFeed Việt Nam, Công ty Công ty TNHH De Heus, Công ty TNHH DARBY – CJ GENETICS, Tập đoàn TH

- Công tác hợp tác quốc tế ngày càng được đẩy mạnh và phát huy hiệu quả, trong đó trong nhiệm kỳ Viện đã tham mưu với nhà trường Ký bản ghi nhớ hợp tác với Trường Đại học quốc gia Jeonbuk, Hàn Quốc. Trên cơ sở đó đã xây dựng dự án ODA hỗ trợ phát triển ngành Chăn nuôi – thú y.

II. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO THÚ Y, TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam nói chung, phát triển chăn nuôi đến năm 2030 nói riêng, tỷ trọng đóng góp của ngành chăn nuôi trong cơ cấu nguồn thu của ngành nông nghiệp sẽ tăng lên 48 - 50%, chăn nuôi hiện đang là ngành sản xuất hàng hóa lớn với giá trị sản xuất luôn được duy trì ở mức cao, tỷ trọng chăn nuôi trong ngành nông nghiệp (chăn nuôi, trồng trọt, dịch vụ) có xu hướng tăng, góp phần quan trọng trong duy trì tốc độ tăng trưởng ấn tượng của ngành nông nghiệp.

Ngành chăn nuôi thu hút khối lượng lớn nguồn lực của xã hội, nhất là đầu tư nước ngoài. Hiện nay, tại Việt Nam đã có mặt hầu hết các hãng thức ăn chăn nuôi nổi tiếng của thế giới như CP, Cargil, Deuheus, Guyomuch, CJ..., cùng nhiều doanh nghiệp lớn trong nước như Massan, Hòa Phát, PAN... Lĩnh vực con giống và thuốc thú y cũng đang thu hút đầu tư của các doanh nghiệp nổi tiếng trên thế giới vào Việt Nam. Có thể nói: “Trong nông nghiệp hiện nay, chăn nuôi là lĩnh vực thu hút đầu tư xã hội lớn nhất, mà phần lớn đều do tư nhân đầu tư, nhất là lĩnh vực sản xuất thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y với trên 99% vốn đầu tư là của tư nhân”, chỉ tiêu đó cho thấy xu hướng phát triển của ngành chăn nuôi và nhu cầu cao về đội ngũ cán bộ thú y có trình độ cao để phục vụ cho sự phát triển của ngành chăn nuôi. Mặt khác, theo khảo sát, đội ngũ cán bộ thú y cấp cơ sở hiện nay đang rất thiếu về số lượng và hạn chế về chuyên môn, chủ yếu là cán bộ học sơ cấp, trung cấp hoặc ngành đào tạo khác kiêm nhiệm làm công tác thú y tại địa phương. Trong khi đó, trong thời gian vừa qua với quy mô ngành chăn nuôi ngày càng phát triển thì dịch bệnh trong chăn nuôi cũng ngày càng diễn biến phức tạp. Vì vậy, nhu cầu về đội ngũ cán bộ thú y đủ về số lượng và có chuyên môn sâu về thú y là rất cấp thiết.

Trong bối cảnh nền kinh tế hội nhập mạnh mẽ thì các loại dịch bệnh nguy hiểm có thể bị lây lan giữa các quốc gia một cách nhanh chóng thông qua các con đường như buôn lậu động vật qua biên giới, hoặc qua người du lịch từ nước này sang nước khác.

Mặt khác, vấn đề biến đổi khí hậu và các tác nhân gây ô nhiễm môi trường cũng là nguyên nhân khiến cho nhiều loại dịch bệnh có nguồn gốc từ động vật có khả năng lây sang người ngày càng tăng cao. Bên cạnh đó, vấn đề an toàn vệ sinh thực phẩm ngày nay

cũng đang là vấn đề nóng cần được giải quyết, đặc biệt là những thực phẩm có nguồn gốc động vật.

Trong tương lai không xa, con người sẽ phải đối mặt với các dịch bệnh từ động vật lây sang người rất lớn, đặc biệt là những dịch bệnh do siêu vi trùng gây ra. Cho nên, lĩnh vực thú y và khoa học thú y ngày càng trở nên quan trọng trong xã hội ngày nay.

Trong những năm gần đây, chăn nuôi nói riêng và nông nghiệp nói chung là lĩnh vực có tốc độ phát triển nhanh và ổn định nhất. Đặc biệt, trong thời kì dịch bệnh Covid 19 diễn biến phức tạp và ảnh hưởng sâu, rộng đến nền kinh tế của toàn thế giới, lĩnh vực nông nghiệp đã thể hiện rõ vai trò là bộ đỡ của nền kinh tế. Ngành chăn nuôi phát triển tốt như vậy một phần là nhờ có sự đóng góp quan trọng của ngành thú y, cụ thể: Dịch bệnh động vật trên cạn được kiểm soát tốt liên tục trong nhiều năm qua. Gần đây, một số dịch bệnh nguy hiểm như dịch tả lợn Châu Phi, viêm da nổi cục ở bò đã phát sinh và gây ảnh hưởng lớn đến ngành chăn nuôi nhưng đều đã được khống chế và kiểm soát nhanh chóng giúp ngành chăn nuôi hồi phục và phát triển. Vấn đề vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm được bảo đảm, chế tài xử lý vi phạm trong công tác thú y đủ mạnh và được thực hiện một cách nghiêm minh, tạo niềm tin cho thị trường tiêu thụ, bảo vệ thị trường trong nước, đẩy mạnh xuất khẩu.

Từ năm 2013 đến nay, để tiếp tục tạo điều kiện cho ngành chăn nuôi của Việt Nam phát triển bền vững và hội nhập sâu rộng với thế giới, giữ vững thị trường trong nước, tiến tới đẩy mạnh xuất khẩu, Ngành Thú y đã chủ động hội nhập, chuẩn bị các điều kiện cần thiết, có tính chiến lược, khoa học và phù hợp với thông lệ quốc tế.

Nghệ An là tỉnh nằm ở vị trí trung tâm, là cửa ngõ của vùng Bắc Trung Bộ. Trường Đại học Vinh là một trong những Trường Đại học lớn, nằm trên khu vực Bắc Trung Bộ của Việt Nam. Sứ mạng của Trường Đại học Vinh là *cơ sở giáo dục đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, dẫn dắt sự phát triển giáo dục và đào tạo của khu vực Bắc Trung Bộ; là trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, góp phần thúc đẩy sự phát triển của quốc gia và quốc tế*. Trước thực tế đó, ngày 28/12/2007, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 197/2007/QĐ-TTg về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Nghệ An đến năm 2020, trong đó có nội dung quan trọng liên quan đến định hướng phát triển trường Đại học Vinh là *“Đầu tư nâng cấp trường đại học Vinh trở thành trường đại học đạt tiêu chuẩn quốc tế”*.

Để thực hiện mục tiêu và sứ mạng đó, Nhà trường đã và đang tập trung mở rộng quy mô cùng với thường xuyên, liên tục nâng cao chất lượng đào tạo. Nhà trường luôn tìm các

biện pháp đổi mới và hiện đại hoá nội dung, chương trình, phương pháp giảng dạy và cơ sở vật chất. Trường Đại học Vinh có nhiệm vụ thực hiện hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học nhằm đóng góp cho sự phát triển giáo dục của địa phương đáp ứng yêu cầu đổi mới toàn diện trong giáo dục. Chính vì vậy, Trường Đại học Vinh không chỉ tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo Cử nhân Sư phạm, mà còn mở rộng và nâng cao chất lượng đào tạo Cử nhân trong các lĩnh vực khác, trong đó có ngành thú y để đáp ứng nhu cầu thị trường lao động hiện nay.

Để phát huy có hiệu quả tiềm năng đội ngũ và cơ sở vật chất hiện có của trường với mục đích đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật tạo nguồn cho các địa phương trong vùng và cả nước, đồng thời tạo điều kiện cho con em trong khu vực có cơ hội được học tập tại địa phương mình, đáp ứng yêu cầu kinh tế thị trường trong thời kỳ mở cửa hội nhập của đất nước, Viện Nông nghiệp và Tài nguyên kính đề nghị Trường Đại học Vinh cho phép Trường mở mã ngành đào tạo Thú y.

2.1. Sự phù hợp với chiến lược phát triển của cơ sở đào tạo

Với truyền thống 63 năm đào tạo, Trường đại học Vinh luôn chú trọng nâng cao chất lượng đào tạo tất cả các ngành để khẳng định uy tín và thương hiệu mình.

Đặc biệt, ngày 14/03/2018, Trường Đại học Vinh chính thức trở thành thành viên Hiệp hội CDIO quốc tế. Đây là một thành công và là bước tiến quan trọng của Trường Đại học Vinh khi tiếp cận mô hình đào tạo tiên tiến CDIO nhằm nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế.

Chính sách chất lượng của Trường là *“không ngừng cải tiến chất lượng đào tạo trên cơ sở đổi mới chương trình đào tạo, nội dung giáo dục, phương pháp dạy học và tạo điều kiện tốt nhất cho người học; nâng cao hiệu quả của hệ thống đảm bảo chất lượng (ĐBCL) và tham gia kiểm định chất lượng định kỳ”*

Theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐT ngày 18/10/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Vinh về Sứ mạng, Tầm nhìn của Trường Đại học Vinh, cụ thể như sau:

Sứ mạng: “Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, dẫn dắt sự phát triển giáo dục và đào tạo của khu vực Bắc Trung Bộ; là trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, góp phần thúc đẩy sự phát triển của quốc gia và quốc tế”.

Tầm nhìn: “Trường Đại học Vinh trở thành đại học thông minh, xếp hạng top 500 đại học hàng đầu châu Á vào năm 2030, hướng đến top 1.000 đại học hàng đầu thế giới vào năm 2045”

Trường Đại học Vinh đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép mở mã ngành đào tạo chăn nuôi từ năm 2016. Sau 4 năm đào tạo, đội ngũ giảng dạy chuyên ngành chăn nuôi đã có nhiều kinh nghiệm, cơ sở vật chất phục vụ hoạt động thực hành của sinh viên đã tương đối đảm bảo. Chính vì vậy, việc mở ngành đào tạo kỹ sư Thú y vừa phù hợp với chiến lược phát triển của trường Đại học Vinh, vừa đáp ứng kịp thời nhu cầu của xã hội.

2.2. Sự phù hợp về nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của địa phương, vùng, quốc gia

Khu vực Bắc Trung bộ có trên 10 triệu dân, con em nhân dân rất hiếu học, hiện tại có tới 2175 phường xã và hàng trăm huyện, thị xã, cơ quan ban ngành từ huyện đến tỉnh, nhưng hầu hết các địa phương trên còn rất thiếu đội ngũ cán bộ kỹ thuật, nhất là cán bộ thú y đang rất thiếu ở các địa phương, đặc biệt là các xã miền núi, vùng cao.

Trong những năm qua, mặc dù các ngành, các cấp và các cơ sở đào tạo đã có nhiều cố gắng, nhưng nguồn nhân lực cán bộ thú y phục vụ trong lĩnh vực chăn nuôi vẫn chưa đáp ứng yêu cầu của địa phương để phát triển kinh tế - xã hội. Công tác bồi dưỡng đội ngũ cán bộ thú y có nhiều chuyển biến, nhưng do các cơ sở đào tạo ngành thú y đảm bảo chất lượng đang còn ít, quy mô đào tạo còn hạn chế nên nguồn nhân lực cán bộ thú y chất lượng cao để phát triển chăn nuôi tại địa phương vẫn còn thiếu và yếu. Bộ NN&PTNT đặt mục tiêu đến năm 2030, phấn đấu tổng đàn lợn có mặt thường xuyên ở quy mô khoảng 29 - 30 triệu con, trong đó đàn lợn nái khoảng 2,5 - 2,8 triệu con; đàn lợn nuôi trang trại, công nghiệp chiếm trên 70%. Đối với gia cầm, phát triển theo phương thức công nghiệp. Tổng đàn gà có mặt thường xuyên khoảng 400 - 450 triệu con, trong đó ít nhất 60% nuôi theo phương thức công nghiệp... Để đáp ứng được mục tiêu trên đòi hỏi phải có đội ngũ kỹ sư chăn nuôi, bác sỹ thú y đủ số lượng và chất lượng để đáp ứng nhu cầu các địa phương và doanh nghiệp trong cả nước.

Chúng tôi tiến hành điều tra, khảo sát nhu cầu cần đào tạo ngành Thú y trình độ Đại học ở Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn, các huyện, xã, tổ hợp tác (THT), hợp tác xã (HTX), doanh nghiệp trên địa bàn Nghệ An từ nay đến năm 2025 cụ thể như sau:

Bảng 2. Khảo sát nhu cầu đào tạo nhân lực ngành Thú y trình độ đại học từ nay đến năm 2025 tại tỉnh Nghệ An

Năm	Nhu cầu				
	Sở Nông nghiệp &PTNT và các đơn vị thuộc sở	Cấp huyện và các đơn vị liên quan	Cấp xã và THT, HTX, trang trại	Doanh nghiệp chăn nuôi	Nhà phân phối thuốc thú y và liên quan

2020	6	12	48	41	22
2021	7	15	50	45	30
2025	14	22	67	64	24
Tổng	27	49	155	150	76

(Nguồn: điều tra, khảo sát tháng 11/2020)

Như vậy, nhu cầu nhân lực ngành Thú y có trình độ đại học đến năm 2025 là khoảng 457 người. Ngoài ra đây còn là ngành đang thu hút được người học ở các tỉnh lân cận có nhu cầu như Quảng Bình, Hà Tĩnh, Thanh Hóa...

Khu vực Bắc Trung bộ có trên 10 triệu dân, con em nhân dân rất hiếu học, hiện tại có tới 2175 phường xã và hàng trăm huyện, thị xã, cơ quan ban ngành từ huyện đến tỉnh, nhưng hầu hết các địa phương trên còn rất thiếu đội ngũ cán bộ kỹ thuật, cán bộ thú y, đặc biệt là các xã miền núi, vùng cao.

Bảng 3. Khảo sát nhu cầu đào tạo nhân lực ngành Thú y trình độ đại học cần tuyển tại các công ty từ năm 2021-2025

TT	Tỉnh	Tên công ty	Địa chỉ	Nhu cầu tuyển dụng/năm
1	Bắc Giang	Công ty Cổ phần thuốc thú y Đất Việt	Lô D5-D6 Khu CN Đình Trám, huyện Việt Yên, Bắc Giang	30
2	Bắc Ninh	Công ty TNHH TM&SX thuốc thú y Diễm Uyên (Huphavet)	Đường TS 12 KCN Tiên Sơn, Bắc Ninh	20
3	Bắc Ninh	Công ty Cổ phần thuốc thú y Toàn Thắng	Số 2, TS 17, KCN Tiên Sơn, Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	30
4	Bắc Ninh	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghệ Sakan Việt Nam	KCN Đa nghề Đông Thọ, xã Đông Thọ, H. Đông Phong, tỉnh Bắc Ninh	45
5	Bắc Ninh	Công ty Cổ phần VB Pharma	Số 7, đường 3, KCN đô thị và dịch vụ VSIP Bắc Ninh, TX. Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	30
6	Thái Bình	Công ty TNHH Việt	TT Hưng Hà, Hưng Hà, Thái	40

TT	Tỉnh	Tên công ty	Địa chỉ	Nhu cầu tuyển dụng/năm
		Trung	Bình	
7	Thái Nguyên	Công ty Cổ Phần thuốc thú y Đức Hạnh Marphavet	Trung Thành, Phổ Yên, Thái Nguyên	15
8	Hà Nội	Công ty Cổ phần phát triển công nghệ nông thôn (RTD)	An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội	50
9	Hà Nội	Công ty TNHH thuốc thú y Bình Minh	Cụm Công nghiệp Phùng, Đan Phượng, Hà Nội	50
10	Hà Nội	Công ty Cổ phần Sóng Hồng	An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội	45
11	Hà Nội	Công ty Cổ phần Medion Việt Nam	Lô NM5, cụm Công nghiệp Phú Thị, Gia Lâm, Hà Nội	50
12	Hà Nội	Công ty Cổ phần đầu tư liên doanh Việt Anh	Cụm Công nghiệp Liên Phương, Thường Tín, Hà Nội	30
13	Hà Nội	Công ty Cổ phần thuốc thú y SVTThái Dương	Khu công nghiệp Nguyên Khê, Đông Anh, Hà Nội	28
14	Hà Nội	Công ty Cổ phần thuốc thú y Trung ương 5 (Fivevet)	CCN Hà Bình Phương, Thường Tín, Hà Nội	100
15	Hà Nội	Công ty TNHH thuốc thú y Năm Thái	Lô 3, CN-CCN Ngọc Hồi, Thanh Trì, Hà Nội	30
16	Hà Nội	Công ty TNHH TM&DV Phát triển Chăn Nuôi	Tứ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	50
17	Hà Nội	Công ty Cổ phần thuốc thú y Trung ương I (Vinavetco)	Cụm công nghiệp Tân Quang, Văn Lâm, Hưng Yên	120
18	Hà Nội	Công ty TNHH thuốc	Lô 28, KCN Quang Minh, Mê	100

TT	Tỉnh	Tên công ty	Địa chỉ	Nhu cầu tuyển dụng/năm
		thú y Việt Nam (Pharmavet)	Linh, Hà Nội	
19	Hà Nội	Công ty Cổ phần SX- TM thuốc thú y CNC	Lô 2 KCN Lai Xá, Kim Chung, Hoài Đức, Hà Nội	50
20	Hà Nội	Công ty Cổ phần XNK Biovet	KCN Phú Thị, huyện Gia Lâm, Hà Nội	40
21	Hà Nội	Công ty Cổ phần thuốc thú y TW VETVACO	Xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, Hà Nội	50 -60
22	Hà Nội	Công ty Cổ phần Công nghệ sinh học thú y (BTV)	Biên Giang, Hà Đông, Hà Nội	30
23	Hà Nội	Công ty Cổ phần XNK Dược thú y Nasa	Tiểu khu Phú Mỹ, huyện Phú Xuyên, Hà Nội	40
24	Hung Yên	Công ty TNHH Dược HANVET	Khu CN phố Nối A, Mỹ Hào, Hung Yên	150
25	Hung Yên	Công ty Cổ phần Hùng Nguyễn	Phùng Chí Kiên, Mỹ Hào, Hung Yên	20
26	Hung Yên	Công ty TNHH MTV Avac Việt Nam	Trung Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên	40
27	Hung Yên	Công ty TNHH Dược Thú Y Thăng Long 2	Xã Phùng Chí Kiên, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên	30 -40
28	Hung Yên	Công ty TNHH Kyoto Biken Hà Nội Laboratories	Lô F6, KCN Thăng Long 2, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	30 -50
29	Hà Nam	Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại VMC Việt Nam	Cụm công nghiệp Cầu Giát, xã Chuyên Ngoại, Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	35
30	Khánh Hòa	Phân viện Thú y Miền Trung	Km4, đường 2/4, Vĩnh Hòa, Nha Trang, Khánh Hòa	5

TT	Tỉnh	Tên công ty	Địa chỉ	Nhu cầu tuyển dụng/năm
31	Bình Dương	Công ty Liên doanh TNHH Anova	36 Đại lộ Độc Lập, KCN Việt Nam-Singapo, Thuận An, Bình Dương	65
32	Bình Dương	Công ty TNHH TM & SX thuốc thú y Minh Dũng	47/4B Khu phố Khánh Hội, Tân Phước Khánh, Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	80
33	Bình Dương	Công ty TNHH Bayer Việt Nam	Áp 4, Uyên Hưng, Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	100
34	Bình Dương	Công ty TNHH A.S.T.A	Xã Tân Hiệp, H. Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	70
35	Bình Dương	Công ty TNHH thuốc thú y Safa-vedic	143/46 Khu phố Tân Hòa, Đông Hoà, Dĩ An, tỉnh Bình Dương	50
36	Bình Dương	Công ty Cổ phần thuốc thú y TW NAVETCO	Lô 205 KCN Việt Nam-Singapore (VSIP1), Bình Dương.	110
37	Bình Dương	Công ty Cổ phần dược phẩm Anvet	Lô B2-19, KCN Tân Đông Hiệp B, P. Tân Đông Hiệp, TX Dĩ An, tỉnh Bình Dương	200
38	Bình Dương	Công ty TNHH Olmix Asialand Việt Nam	Số 24, đường 26, KCN Sóng Thần 2, Dĩ An, Bình Dương	60
39	Bình Dương	Công ty TNHH Emivest Feedmill Việt Nam	Lô A-11C-CN, KCN Bàu Bàng, xã Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương	45
40	Đồng Nai	Công ty TNHH TM-SX Việt Thọ	KCN Sông Máy, Trảng Bom, Đồng Nai	35
41	Đồng Nai	Công ty TM & SX thuốc thú y Thịnh Á (ASIFAC)	Đường số 5 KCN Giang Điền, Trảng Bom, Đồng Nai	65

TT	Tỉnh	Tên công ty	Địa chỉ	Nhu cầu tuyển dụng/năm
42	Đồng Nai	Công ty TNHH Virbac Việt Nam	KCN Sông Mây, Trảng Bom, Đồng Nai	30-40
43	Đồng Nai	Công ty TNHH Y.S.P Việt Nam	Đường số 6, KCN Nhơn Trạch 3, Nhơn Trạch, Đồng Nai	30
44	Tây Ninh	Công ty TNHH Sản xuất-Thương mại MEBIPHAR	Lô A11-1 đường Trung Tâm KCN Bourbon An Hòa, H. Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.	60
45	TP.HCM	Công ty TNHH TM-SX thuốc thú y Song Vân	274 Hồ Văn Thắng, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh	20 -30
46	TP.HCM	Công ty Cổ Phần CTCBIO Việt Nam	Lô I5-3 Khu công nghệ cao, quận 9, TP.Hồ Chí Minh	40
47	TP.HCM	Công ty Liên doanh Bio- Pharmachemie	2/3 Tầng Nhơn Phú, P. Phước Long B, Q.9, Tp. Hồ Chí Minh	100
48	TP.HCM	Công ty TNHH Quốc Minh	20/3 Tam Bình, KP8, Hiệp Bình Chánh, Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	60
49	TP.HCM	Công ty TNHH TM&SX thuốc thú y Napha	159 Bùi Công Trừng, Nhì Bình, Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh	80
50	TP.HCM	Công ty TNHH UV	Số 18, Lô G, đường D1, KCN An Hạ, xã Phạm Văn Hai, H. Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh	45
51	TP.HCM	Công ty TNHH Dược Thú y Greensun	Lô C1-1/X6, đường D4, KCN Tân Phú Trung, Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh	100

TT	Tỉnh	Tên công ty	Địa chỉ	Nhu cầu tuyển dụng/năm
52	TP.HCM	Công ty TNHH TM-SX Việt Viễn	72, đường số 20, phường 6, quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh	100
53	TP.HCM	Công ty TNHH KD thuốc thú y Minh Ngân	Lô A5-2, đường D8, KCN Đông Nam, Bình Mỹ, Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh	40
54	TP.HCM	Công ty TNHH TM&SX thuốc thú y Anpha	2/7 đường 1A, P. Long Thạnh Mỹ, Q.9, Tp. Hồ Chí Minh	50
55	Long An	Công ty TNHH TM&SX thuốc thú y Gấu Vàng	Lô D12, đường số 2, KCN Nhựt Chánh, H. Bến Lức, tỉnh Long An	50
56	Long An	Công ty Cổ phần Inter Pharma	Lô LE6-03 Đường số 8, Khu công nghiệp Xuyên Á, Đức Hòa, Long An	120
57	Long An	Công ty Cổ phần Anova Pharma	CCN Tập đoàn Anova, Long Cang, Cần Đước, Long An	90
58	Long An	Công ty TNHH sản xuất kinh doanh thuốc thú y Minh Huy	Lô A111, đường số 2, KCN Thái Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	50
59	Long An	Công ty TNHH Công nghệ Nano hợp nhất APA	KCN Vĩnh Lộc 2, Long Hiệp, H. Bến Lức, tỉnh Long An	70
60	Tiền Giang	Công ty Cổ phần thuốc thú y Cai Lậy	Khu 5, thị trấn Cai Lậy, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang	20
61	Hậu Giang	Công ty TNHH MTV thuốc thú y & CPSH (Vemedim)	KCN Sông Hậu, xã Đông Phú, H. Châu Thành, tỉnh Hậu Giang	250
62	Cần Thơ	Công ty Cổ phần Thiên	Lô 19-F2, đường số 5, KCN	50

TT	Tỉnh	Tên công ty	Địa chỉ	Nhu cầu tuyển dụng/năm
		Quân	Trà Nóc 1, P. Trà Nóc, Q. Bình Thủy, Tp. Cần Thơ	
63	Cần Thơ	Công ty Cổ phần SXKD Vật tư và thuốc thú y Cần Thơ (Vemedim)	07, Đại lộ 30/4, Xuân Khánh, Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ	150
64	Cần Thơ	Công ty TNHH thuốc thú y Á Châu	130 quốc lộ 1A, P.Ba Láng, Cái Răng, Tp. Cần Thơ	120
65	Cần Thơ	Công ty TNHH thuốc thú y 1/5	Lô 2-19A-Khu Công nghiệp Trà Nóc II, Tp. Cần Thơ	60
66	Cần Thơ	Công ty TNHH thuốc thú y Cần Thơ -Veterco	19A đường số 1, KCN Trà Nóc, quận Bình Thủy, Tp. Cần Thơ	100
67	Đồng Nai	Công ty CP Chăn Nuôi C.P. Việt Nam		200
68	Hải Dương	Công ty TNHH CARGILL VN.		100
69		CÔNG TY JAPFA Viet Nam.		80
70		Công ty ROCONCO.		90
71	Bắc Ninh	DABACO VN. Công ty CP Thức ăn chăn nuôi Việt Thắng		50
72	Hồ Chí Minh	TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIET NAM – CTCP		60
73	Hà Nội	Công ty CP GREENFEED VN.		50
74	Hồ Chí Minh	DE HEUS VN.		170

TT	Tỉnh	Tên công ty	Địa chỉ	Nhu cầu tuyển dụng/năm
75	Bắc Ninh	Công ty CP MAVIN AUSTFEED		80

Theo kết quả khảo sát, nhu cầu nhân lực ngành Thú y có trình độ đại học các doanh nghiệp ở Việt Nam cần đến năm 2025 là khoảng 4900 người.

Vì vậy, việc mở mã ngành đào tạo Thú y trình độ đại học tại Trường Đại học Vinh chính là một định hướng đúng đắn, đáp ứng được cùng lúc bốn nhu cầu lớn. Một là, đáp ứng được nguyện vọng của người dân các tỉnh Bắc Trung bộ còn nhiều khó khăn, điều kiện kinh tế hạn chế, con em có điều kiện học ngành Thú y ngay tại địa phương. Hai là, việc mở ngành đào tạo Thú y trình độ đại học đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho các cơ quan nhà nước khu vực Bắc Trung bộ trong việc bổ sung nhân lực có trình độ, kiến thức về Thú y. Ba là, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho các Doanh nghiệp sản xuất con giống, thuốc thú y và con giống trên cả nước góp phần đẩy mạnh hoạt động chăn nuôi phát triển. Bốn là, góp phần giải quyết nhu cầu phát triển, mở rộng quy mô, đa dạng hoá ngành nghề đào tạo của Trường Đại học Vinh trong lộ trình trở thành cơ sở đào tạo tự chủ và nâng cao trách nhiệm giải trình.

Như vậy, việc mở ngành ngành đào tạo Thú y trình độ đại học là cấp thiết và hoàn toàn phù hợp với sứ mạng và mục tiêu chiến lược của Nhà trường.

III. ĐIỀU KIỆN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐỂ MỞ NGÀNH

3.1. Thông tin chung

1.	Tên ngành đào tạo:	Thú y
2.	Mã số ngành đào tạo:	7640101
3.	Trình độ đào tạo:	Đại học
4.	Thời gian đào tạo:	5 năm
5.	Tên văn bằng tốt nghiệp:	Bác sỹ Thú y
6.	Đơn vị được giao nhiệm vụ:	BM Chăn nuôi – thú y, Viện NN và TN
7.	Hình thức đào tạo:	Chính quy – Tập trung
8.	Số tín chỉ yêu cầu:	160
9.	Thang điểm:	4

10.	Ngôn ngữ sử dụng:	Tiếng Việt
11.	Ngày tháng ban hành:	
12.	Phiên bản chỉnh sửa:	Phiên bản 2

3.2. Căn cứ để xây dựng chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Thú y, mã số 7640101 được xây dựng trên cơ sở những quy định tại:

- Luật Giáo dục đại học năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học năm 2018;

- Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học.

- Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/1/2022 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định điều kiện trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

- Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

- Quyết định 922/QĐ-ĐHV ngày 20/04/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục ban hành chương trình đào tạo, mở ngành đào tạo, dừng hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

- Nghị quyết 05/NQ-HĐT ngày 21/3/2023 của Hội đồng trường về Phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Vinh.

3.3. Tài liệu tham khảo xây dựng chương trình đào tạo ngành Thú y

Trong quá trình xây dựng chương trình, Viện Nông nghiệp và Tài nguyên cũng đã tham khảo chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo của một số trường Đại học ở trong nước, cụ thể:

Học viện Nông nghiệp Việt Nam: Chương trình đào tạo ngành Thú y có tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo là 160 tín chỉ trong đó: Kiến thức Giáo dục đại cương 30 tín chỉ; Kiến thức cơ sở ngành 38 tín chỉ; Kiến thức chuyên ngành 54; Thực tập và đồ án tốt nghiệp 38 tín chỉ. (Không bao gồm số tín chỉ trong Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh)

Trường Đại học Nông Lâm Huế: Chương trình đào tạo ngành Thú y có tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo là 169 tín chỉ trong đó: Kiến thức Giáo dục đại cương 37 tín chỉ; Kiến thức cơ sở ngành 46 tín chỉ; Kiến thức chuyên ngành 55 tín chỉ; Kiến thức bổ trợ 8 tín chỉ; Thực tập và đồ án tốt nghiệp 23 tín chỉ. (Không bao gồm số tín chỉ trong Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh)

So sánh số lượng tín chỉ của chương trình Thú y và các trường Đại học khác của Việt Nam không có sự khác biệt lớn vì theo quy định tại Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT thì tổng thời lượng cho chương trình 5 năm tối thiểu là 160 tín chỉ.

Qua bảng đối sánh cấu trúc CTĐT của hai Trường, về tổng số tín chỉ của toàn khóa học thì CTĐT ngành Thú y của 2 Trường với CTĐT ngành Thú y của Trường Đại học Vinh thấy rằng: Đối với Học Viện Nông nghiệp Việt Nam có số tín chỉ tương đương. Xét theo tỉ lệ phần trăm giữa các khối kiến thức thì ta có thể thấy, khối kiến thức cơ sở ngành và thực tập, đồ án tốt nghiệp trong CTĐT của Học viện Nông nghiệp là cao hơn so với trường ĐH Vinh. Tuy nhiên, khối kiến thức chuyên ngành của trường ĐH Vinh là nhiều hơn của Học viện Nông nghiệp Việt Nam. Đối với trường Đại học Nông Lâm Huế thì CTĐT ngành Thú y của Trường Đại học Vinh (160 tín chỉ) có số tín chỉ ít hơn số tín chỉ của CTĐT Trường ĐH Nông Lâm Huế (169 tín chỉ). Trong đó, xét theo tỉ lệ phần trăm giữa các khối kiến thức thì ta có thể thấy, ở các khối kiến thức: cơ sở ngành, chuyên ngành và thực tập nghề nghiệp và Đồ án TN là khá tương đương. Tuy nhiên, khối kiến thức đại cương của trường ĐH Vinh là nhiều hơn, trong khi đó, CTĐT của trường Đại học Nông Lâm Huế có thêm 4,73% (8 tín chỉ) kiến thức bổ trợ.

Từ năm 2017, Trường Đại học Vinh xây dựng chương trình đào tạo trình độ đại học theo hướng chú trọng phát triển năng lực người học, chương trình được xây dựng theo tiếp cận CDIO. Ở đây CTĐT được tăng cường theo hướng tích hợp các khối kiến thức cơ sở ngành, điều này được thể hiện rõ ở số lượng học phần và tổng số tín chỉ thấp hơn nhiều so với CTĐT của Học viện Nông nghiệp Việt Nam nhưng đáp ứng đầy đủ CDR cho CTĐT. Bên cạnh đó, CTĐT ngành thú y của Trường Đại học Vinh hướng tới việc nâng cao khả năng vận dụng các kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp; vận dụng kỹ năng giao tiếp và hợp tác; năng lực CDIO trong hoạt động dạy học, giáo dục và nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Điều này được thể hiện qua việc thiết kế các học phần dạy học theo hình thức dự án được trải đều trong khối kiến thức đại cương, kiến

thức cơ sở ngành, chuyên ngành và thực hành nghề nghiệp (xem khung CTĐT ngành thú y đã được rà soát, cập nhật).

Bảng 4: Bảng so sánh khối lượng tín chỉ của chương trình đào tạo của Trường Đại học Vinh và các trường Đại học khác

Các khối kiến thức	Trường Đại học Vinh	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Trường Đại học Nông Lâm Huế
Kiến thức đại cương	33	30	37
Kiến thức cơ sở ngành	29	38	46
Kiến thức chuyên ngành	78	54	55
Kiến thức bổ trợ	-	-	8
Thực tập và đồ án tốt nghiệp	20	38	23
Tổng TC (Không tính GDTC và GDQPAN)	160	160	169

(Nguồn: Kết quả tổng hợp tự các CTĐT của các trường Đại học)

3.4. Tóm tắt chương trình đào tạo

3.4.1. Mục tiêu của CTĐT

➤ Mục tiêu chung

Đào tạo bác sĩ Thú y có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội; kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết chuyên sâu về Thú y; có phẩm chất cá nhân, đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp; có khả năng tiếp cận nhanh với công nghệ kỹ thuật mới, giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quản lý các quy trình chẩn đoán, phòng bệnh, điều trị và kiểm soát dịch bệnh động vật.

➤ Mục tiêu cụ thể

PO1: Áp dụng được kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội; kiến thức lý thuyết cơ bản về chăn nuôi, kiến thức chuyên sâu về chẩn đoán, phòng bệnh, điều trị và kiểm soát dịch bệnh động vật.

PO2: Có phẩm chất cá nhân, sức khỏe, đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp; có kỹ năng thực hành nghề nghiệp thích ứng công việc đa dạng; điều kiện làm việc thay đổi.

PO3: Thể hiện kỹ năng giao tiếp và làm việc độc lập hoặc nhóm để tiếp cận nhanh với công nghệ kỹ thuật mới, giải quyết các vấn đề nảy sinh trong chẩn đoán, phòng bệnh, điều trị, kiểm soát dịch bệnh động vật và kinh doanh trong lĩnh vực Thú y.

PO4: Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, vận hành, quản lý các quy trình chẩn đoán, phòng bệnh, điều trị và kiểm soát dịch bệnh động vật.

3.4.2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

➤ Nội dung chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Ký hiệu CDR	Chuẩn đầu ra CTĐT	TĐNL
PLO1.1.	Áp dụng kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để hỗ trợ giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực Thú y	K4
<i>1.1.1.</i>	<i>Áp dụng kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật</i>	<i>K3</i>
<i>1.1.2.</i>	<i>Áp dụng kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên</i>	<i>K3</i>
<i>1.1.3.</i>	<i>Áp dụng kiến thức về ngoại ngữ và công nghệ thông tin</i>	<i>K4</i>
PLO1.2.	Vận dụng các kiến thức cơ sở ngành để hỗ trợ giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực Thú y	K4
<i>1.2.1.</i>	<i>Vận dụng được các kiến thức cơ sở vững chắc về môi trường, tài nguyên</i>	<i>K3</i>
<i>1.2.2.</i>	<i>Vận dụng được các kiến thức về hình thái, giải phẫu, tổ chức phôi thai, đặc điểm sinh lý, dinh dưỡng; di truyền giống vật nuôi; vi sinh vật trong Chăn nuôi, Thú y</i>	<i>K4</i>
<i>1.2.3</i>	<i>Vận dụng được phương pháp nghiên cứu khoa học trong Chăn nuôi, Thú y</i>	<i>K4</i>
PLO1.3.	Vận dụng các kiến thức lý thuyết chuyên ngành và kiến thức thực tế vững chắc để triển khai, vận hành, quản lý các quy trình chẩn đoán, phòng bệnh, điều trị và kiểm soát dịch bệnh động vật.	K4
<i>1.3.1.</i>	<i>Áp dụng kiến thức thú y vào việc chẩn đoán, phòng bệnh, điều trị và kiểm soát dịch bệnh động vật một cách hiệu quả.</i>	<i>K4</i>
<i>1.3.2.</i>	<i>Vận dụng được kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm; kiểm</i>	<i>K4</i>

Ký hiệu CDR	Chuẩn đầu ra CTĐT	TĐNL
	<i>nghiệm sản phẩm động vật; miễn dịch; dịch tễ học thú y; dược lý; độc chất học; dược liệu, bào chế và kiểm nghiệm thuốc, Vacxin dùng trong chăn nuôi, thú y</i>	
1.3.3	<i>Vận dụng được kiến thức về tập tính và phúc lợi động vật; marketing trong Thú y</i>	K4
PLO2.1.	Vận dụng kỹ năng tư duy và giải quyết vấn đề trong hoạt động trong lĩnh vực ngành Thú y.	S4
2.1.1.	<i>Giải thích được mục đích, nguyên lý, phương pháp của kỹ năng giải quyết vấn đề và các quá trình tư duy.</i>	S3
2.1.2.	<i>Vận dụng kỹ năng tư duy hệ thống, phân biện và sáng tạo đưa ra hướng giải quyết để triển khai nghiên cứu, thực nghiệm.</i>	S4
PLO2.2.	Có đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp và thái độ hành xử chuyên nghiệp trong các nhiệm vụ chuyên môn.	A4
2.2.1.	<i>Đạo đức, trách nhiệm, thái độ hành xử chuyên nghiệp, tinh thần hợp tác trong hoạt động nghề nghiệp, sẵn sàng chấp nhận thử thách và rủi ro trong lĩnh vực Thú y</i>	A4
2.2.2.	<i>Quản lý thời gian và nguồn lực để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ</i>	A4
2.2.3.	<i>Vận dụng các chiến lược học tập phù hợp để tích lũy kiến thức và định hướng phát triển nghề nghiệp</i>	A4
PLO2.3.	Thể hiện được kỹ năng nghề nghiệp về thực hành chẩn đoán, phòng bệnh, điều trị và kiểm soát dịch bệnh động vật.	S4
2.3.1.	<i>Thể hiện thành thạo kỹ thuật phòng thí nghiệm</i>	S4
2.3.2.	<i>Thể hiện thành thạo kỹ thuật chẩn đoán, phòng bệnh, điều trị và kiểm soát dịch bệnh động vật.</i>	S4
PLO3.1	Làm việc theo nhóm hiệu quả để giải quyết các vấn đề, công việc liên quan đến hoạt động nghề nghiệp ngành Thú y	S4
3.1.1.	<i>Diễn giải được tầm quan trọng, các mô hình và kỹ năng cần thiết để làm việc theo nhóm có hiệu quả.</i>	K3
3.1.2.	<i>Tổ chức, hoạt động, phát triển và lãnh đạo nhóm hiệu quả.</i>	S4

Ký hiệu CDR	Chuẩn đầu ra CTĐT	TĐNL
PLO3.2.	Giao tiếp hiệu quả trong các hoạt động nghiên cứu, sản xuất, quản lý, dịch vụ liên quan ngành Thú y	S4
3.2.1.	<i>Diễn giải được tầm quan trọng, chiến lược và kỹ thuật giao tiếp.</i>	<i>K3</i>
3.2.2.	<i>Vận dụng linh hoạt, thành thạo các hình thức giao tiếp</i>	<i>S4</i>
PLO3.3.	Sử dụng được ngoại ngữ trong giao tiếp và trong lĩnh vực ngành Thú y	S4
3.3.1.	<i>Năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 (TT 01/2014/TT-BGDĐT)</i>	<i>S4</i>
PLO4.1.	Phân tích được bối cảnh, chiến lược và mục tiêu phát triển của ngành Thú y, cơ sở sản xuất, doanh nghiệp	C4
4.1.1	<i>Bối cảnh của xã hội về chiến lược và mục tiêu phát triển của ngành Thú y</i>	<i>C4</i>
4.1.2.	<i>Bối cảnh của doanh nghiệp về chiến lược và mục tiêu phát triển của ngành Thú y</i>	<i>C4</i>
PLO4.2.	Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai các quy trình chẩn đoán, phòng bệnh, điều trị, kiểm soát dịch bệnh động vật và hoạt động dịch vụ ngành Thú y	C4
4.2.1.	<i>Hình thành ý tưởng, lập kế hoạch hoạt động của các quy trình chẩn đoán, phòng bệnh, điều trị, kiểm soát dịch bệnh động vật và hoạt động dịch vụ ngành Thú y</i>	<i>C4</i>
4.2.2.	<i>Thiết kế, triển khai quy trình, hệ thống, hoạt động của các quy trình chẩn đoán, phòng bệnh, điều trị, kiểm soát dịch bệnh động vật và hoạt động dịch vụ ngành Thú y</i>	<i>C4</i>
PLO4.3.	Vận hành, quản lý các quy trình chẩn đoán, phòng bệnh, điều trị, kiểm soát dịch bệnh động vật và hoạt động dịch vụ ngành Thú y	C4
4.3.1.	<i>Vận hành quy trình, quản lý các quy trình chẩn đoán, phòng bệnh, điều trị, kiểm soát dịch bệnh động vật và hoạt động dịch vụ ngành Thú y</i>	<i>C4</i>
4.3.2.	<i>Cải tiến và phát triển các quy trình chẩn đoán, phòng bệnh, điều</i>	<i>C4</i>

Ký hiệu CDR	Chuẩn đầu ra CTĐT	TĐNL
	<i>tri, kiểm soát dịch bệnh động vật và hoạt động dịch vụ ngành Thú y</i>	

➤ *Mối quan hệ giữa Mục tiêu và Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

Bảng 5. Mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

Mục tiêu đào tạo	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo											
	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2	4.3
PO1	√	√	√									
PO2				√	√	√						
PO3							√	√	√			
PO4										√	√	√

3.4.3. Khối lượng kiến thức toàn khoá

- Ngành đào tạo đăng ký mở: Thú y
- Thời gian đào tạo: 5 năm.
- Khối lượng kiến thức toàn khóa: 160 tín chỉ (không kể GDTC và GDQP).

Bảng 6. Khối lượng kiến thức ngành Thú y

Các khối kiến thức	Trường Đại học Vinh	
	Số tín chỉ	Tỷ lệ (%)
Kiến thức đại cương	33	20,63
Kiến thức cơ sở ngành	29	18,12
Kiến thức chuyên ngành	78	48,75
Thực tập và đồ án tốt nghiệp	20	12,50
Tổng TC	160	100

3.4.4. Kế hoạch đào tạo

Ngành Thú y đào tạo trong thời gian 5 năm được thực hiện trong 10 học kỳ với tổng khối lượng toàn khóa 160 tín chỉ như sau: Học kỳ 1: 16 tín chỉ; Học kỳ 2: 18 tín chỉ; Học kỳ 3: 17 tín chỉ; Học kỳ 4: 18 tín chỉ; Học kỳ 5: 19 tín chỉ; Học kỳ 6: 16 tín chỉ; Học kỳ 7: 15 tín chỉ; Học kỳ 8: 15 tín chỉ; Học kỳ 9: 16 tín chỉ; Học kỳ 10: 10 tín chỉ;

➤ Học kỳ 1

Tên học phần	STC	Phân tiết						Phân kỳ	Khối kiến thức	Loại học phần	Khoa/Viện/Bộ môn phụ trách
		Lý thuyết	TH/ Thí nghiệm/Thực tế	Thảo luận/ Bài tập	Đồ án học phần	Thực tập/ Kiến tập	Đồ án TN				
Nhập môn Ngành Thú Y	3	30	0	15	0	0	0	1	GDĐC	1.Bắt buộc	Viện NN&TN
Triết học Mác - Lê Nin	3	30	0	15	0	0	0	1	GDĐC	1.Bắt buộc	GD Chính trị
KT chính trị Mác - Lê Nin	2	20	0	10	0	0	0	1	GDĐC	1.Bắt buộc	GD Chính trị
Tiếng Anh 1	3	30	0	15	0	0	0	1	GDĐC	1.Bắt buộc	Ngoại ngữ
Toán học (Xác suất thống kê)	5	60	0	15	0	0	0	1	GDĐC	1.Bắt buộc	Khoa Toán
Tổng	16										

➤ Học kỳ 2

Tên học phần	STC	Phân tiết						Phân kỳ	Khối kiến thức	Loại học phần	Khoa/Viện/Bộ môn phụ trách
		Lý thuyết	TH/ Thí nghiệm/Thực tế	Thảo luận/ Bài tập	Đồ án học phần	Thực tập/ Kiến tập	Đồ án TN				
Hóa hữu cơ	2	25	0	5	0	0	0	2	GDĐC	1.Bắt	Khoa Hóa

										buộc	
Sinh học	5	60	15	0	0	0	0	2	GDĐC	1.Bắt buộc	Khoa Sinh
Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	20	0	10	0	0	0	2	GDĐC	1.Bắt buộc	Khoa Hóa
Hoá phân tích	3	30	15	0	0	0	0	2	GDĐC	1.Bắt buộc	Khoa hoá
Tin học ứng dụng trong Nông lâm ngư và môi trường	3	30	15	0	0	0	0	2	GDĐC	1.Bắt buộc	Khoa Tin
Cơ sở quản lí tài nguyên và môi trường	3	35	0	10	0	0	0	2	GDĐC	1.Bắt buộc	Viện NN&TN
Tổng	18										

➤ **Học kỳ 3**

Tên học phần	STC	Phân tiết						Phân kỳ	Khối kiến thức	Loại học phần	Khoa/Viện/Bộ môn phụ trách
		Lý thuyết	TH/ Thí nghiệm/Thực tế	Thảo luận/ Bài tập	Đồ án học phần	Thực tập/ Kiến tập	Đồ án TN				
Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	20	0	10	0	0	0	3	GDĐC	1.Bắt buộc	GD Chính trị
Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	0	10	0	0	0	3	GDĐC	1.Bắt buộc	GD Chính trị
Vi sinh vật đại cương	3	30	15	0	0	0	0	3	GDĐC	1.Bắt buộc	Viện NN&TN
Tiếng Anh 2	4	45	0	15	0	0	0	3	GDĐC	1.Bắt buộc	Ngoại ngữ
Hóa sinh động vật	3	30	15	0	0	0	0	3	GDĐC	1.Bắt buộc	Viện NN&TN
Tổ chức và phôi thai học	3	30	15	0	0	0	0	3	GDCN	1.Bắt buộc	Viện NN&TN
Tổng	17										

➤ **Học kỳ 4**

Tên học phần	STC	Phân tiết	Phân kỳ	Khối kiến thức	Loại học phần	Khoa/Viện/Bộ môn phụ trách
--------------	-----	-----------	---------	----------------	---------------	----------------------------

		Lý thuyết	TH/ Thí nghiệm/Thực tế	Thảo luận/ Bài tập	Đồ án học phần	Thực tập/ Kiến tập	Đồ án TN				
Giải phẫu vật nuôi	4	45	15	0	0	0	0	4	GDCN	1.Bắt buộc	Viện NN&TN
Phương pháp nghiên cứu khoa học trong chăn nuôi -Thú y	3	30	0	15	0	0	0	4	GDCN	1.Bắt buộc	Viện NN&TN
Sinh lý động vật	4	45	15	0	0	0	0	4	GDCN	1.Bắt buộc	Viện NN&TN
Dinh dưỡng và thức ăn vật nuôi	4	45	15	0	0	0	0	4	GDCN	1.Bắt buộc	Viện NN&TN
Vi sinh vật học thú y	3	30	15	0	0	0	0	4	GDCN	1.Bắt buộc	Viện NN&TN
Tổng	18										

➤ **Học kỳ 5**

Tên học phần	STC	Phân tiết						Phân kỳ	Khối kiến thức	Loại học phần	Khoa/Viện/Bộ môn phụ trách
		Lý thuyết	TH/ Thí nghiệm/Thực tế	Thảo luận/ Bài tập	Đồ án học phần	Thực tập/ Kiến tập	Đồ án TN				
Di truyền giống vật nuôi	4	45	15	0	0	0	0	5	GDCN	1.Bắt buộc	Viện NN&TN
Dịch tễ học thú y	3	40	0	5	0	0	0	5	GDCN	1.Bắt buộc	Viện NN&TN
Miễn dịch học Thú Y	3	30	15	0	0	0	0	5	GDCN	1.Bắt buộc	Viện NN&TN
Dược lý học thú y	3	30	15	0	0	0	0	5	GDCN	1.Bắt buộc	Viện NN&TN
Vệ sinh thú y	3	30	15	0	0	0	0	5	GDCN	1.Bắt buộc	Viện NN&TN
Chẩn đoán bệnh thú y	3	30	15	0	0	0	0	5	GDCN	1.Bắt buộc	Viện NN&TN
Tổng	19										

➤ **Học kỳ 6**

Tên học phần	STC	Phân tiết						Phân kỳ	Khối kiến thức	Loại học phần	Khoa/Viện/Bộ môn phụ trách
		Lý thuyết	TH/ Thí nghiệm/Thực tế	Thảo luận/ Bài tập	Đồ án học phần	Thực tập/ Kiến tập	Đồ án TN				
Bệnh lý học thú y	3	30	15	0	0	0	0	6	GDCN	1.Bắt buộc	Viện NN&TN
Ký sinh trùng thú y	3	30	15	0	0	0	0	6	GDCN	1.Bắt buộc	Viện NN&TN
Nội khoa thú y	4	45	15	0	0	0	0	6	GDCN	1.Bắt buộc	Viện NN&TN
Bệnh do rối loạn dinh dưỡng	3	30	15	0	0	0	0	6	GDCN	1.Bắt buộc	Viện NN&TN
Độc chất học thú y	3	30	15	0	0	0	0	6	GDCN	1.Bắt buộc	Viện NN&TN
Tổng	16										

➤ **Học kỳ 7**

Tên học phần	STC	Phân tiết						Phân kỳ	Khối kiến thức	Loại học phần	Khoa/Viện/Bộ môn phụ trách
		Lý thuyết	TH/ Thí nghiệm/Thực tế	Thảo luận/ Bài tập	Đồ án học phần	Thực tập/ Kiến tập	Đồ án TN				
Ngoại khoa thú y	3	30	15	0	0	0	0	7	GDCN	1.Bắt buộc	Viện NN&TN
Thực tập nghề thú y 1	5	75	0	0	75	75	0	7	GDCN	1.Bắt buộc	Viện NN&TN
Bệnh sản khoa thú y	3	30	15	0	0	0	0	7	GDCN	1.Bắt buộc	Viện NN&TN
Bệnh truyền nhiễm thú y	4	30	15	0	0	0	0	7	GDCN	1.Bắt buộc	Viện NN&TN
Ngoại khoa thú y	3	30	15	0	0	0	0	7	GDCN	1.Bắt buộc	Viện NN&TN
Tổng	15										

➤ **Học kỳ 8**

Tên học phần	ST	Phân tiết	Phân kỳ	kiến thức	Loại học phần	phụ trách	mô
--------------	----	-----------	---------	-----------	---------------	-----------	----

	C	Lý thuyết	TH/ Thí nghiệm/Thực tế	Thảo luận/ Bài tập	Đồ án học phần	Thực tập/ Kiến tập	Đồ án TN				
Bệnh học thủy sản	3	40	0	5	0	0	0	8	GDCN	1.Bắt buộc	Viện NN& TN
Bệnh ở động vật hoang dã	3	30	15	0	0	0	0	8	GDCN	1.Bắt buộc	Viện NN& TN
Bệnh lây truyền giữa động vật và người	3	30	15	0	0	0	0	8	GDCN	1.Bắt buộc	Viện NN& TN
Kiểm nghiệm sản phẩm động vật	3	30	15	0	0	0	0	8	GDCN	1.Bắt buộc	Viện NN& TN
Dược liệu thú y	3	30	15	0	0	0	0	8	GDCN	1.Bắt buộc	Viện NN& TN
Tổng	15										

➤ Học kỳ 9

Tên học phần	STC	Phân tiết						Phân kỳ	Khối kiến thức	Loại học phần	Khoa/Viện/Bộ môn phụ trách
		Lý thuyết	TH/ Thí nghiệm/Thực tế	Thảo luận/ Bài tập	Đồ án học phần	Thực tập/ Kiến tập	Đồ án TN				
Thực tập nghề thú y 2	5	0	0	0	75	75	0	9	GDCN	1.Bắt buộc	Viện NN&TN
Marketing trong thú y	2	25	0	5	0	0	0	9	GDCN	1.Bắt buộc	Viện NN&TN
Luật thú y	2	25	0	5	0	0	0	9	GDCN	1.Bắt buộc	Viện NN&TN
Tập tính và phúc lợi động vật	3	30	0	15	0	0	0	9	GDCN	1.Bắt buộc	Viện NN&TN
Tự chọn 1	2	25	0	5	0	0	0	9	GDCN	2.Tự chọn	Viện NN&TN
Tự chọn 2	2	25	0	5	0	0	0	9	GDCN	2.Tự chọn	Viện NN&TN
Tổng	16										

Các học phần Tự chọn

Tên học phần	STC	Phân tiết						Phân kỳ	Khối kiến thức	Loại học phần	Khoa/Viện/Bộ môn phụ trách
		Lý thuyết	TH/ Thí nghiệm/Thực tế	Thảo luận/ Bài tập	Đồ án học phần	Thực tập/ Kiến tập	Đồ án TN				
Tự chọn 1 (Chọn 2 trong 4 học phần)											
Chăn nuôi gia cầm	2	25	0	5	0	0	0	9	GDCN	2.Tự chọn	Viện NN&TN
Chăn nuôi trâu, bò	2	25	0	5	0	0	0	9	GDCN	2.Tự chọn	Viện NN&TN
Chăn nuôi lợn	2	25	0	5	0	0	0	9	GDCN	2.Tự chọn	Viện NN&TN
Công nghệ sinh sản động vật	2	25	0	5	0	0	0	9	GDCN	2.Tự chọn	Viện NN&TN
Tự chọn 2 (Chọn 2 trong 4 học phần)											
Bệnh ở chó, mèo	2	25	0	5	0	0	0	9	GDCN	2.Tự chọn	Viện NN&TN
Công nghệ sản xuất và sử dụng vắc xin	2	25	0	5	0	0	0	9	GDCN	2.Tự chọn	Viện NN&TN
Bào chế và kiểm nghiệm thuốc thú y	2	25	0	5	0	0	0	9	GDCN	2.Tự chọn	Viện NN&TN
Vệ sinh an toàn thực phẩm	2	25	0	5	0	0	0	9	GDCN	2.Tự chọn	Viện NN&TN

➤ Học kỳ 10

Tên học phần	STC	Phân tiết	n	kiến	thức	học	Bộ	mô	n
--------------	-----	-----------	---	------	------	-----	----	----	---

		Lý thuyết	TH/ Thí nghiệm/Thực tế	Thảo luận/ Bài tập	Đồ án học phần	Thực tập/ Kiến tập	Đồ án TN				
Đồ án tốt nghiệp	10	0	150	0	0	0	150	10	GDCN	2.Tự chọn	Viện NN&TN
Tổng	10										

3.5. Kế hoạch tuyển sinh, đào tạo và đảm bảo chất lượng đào tạo

3.5.1. Kế hoạch tuyển sinh

➤ *Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh*

Mỗi năm tuyển sinh 50 chỉ tiêu. Sau đó, tùy theo tình hình tuyển sinh và nhu cầu của thị trường lao động, Viện Nông nghiệp và Tài nguyên sẽ tuyển sinh theo chỉ tiêu của Trường Đại học Vinh

➤ *Phương thức, phạm vi tuyển sinh*

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh theo Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT ngày 6/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục mầm non và Đề án tuyển sinh của trường Đại học Vinh. Đề án tuyển sinh và Thông báo tuyển sinh của trường Đại học Vinh, công khai trên website của Trường và đơn vị liên quan.

- **Phương thức tuyển sinh**

+ **Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT:** Sử dụng kết quả THPT, không ít hơn 70% chỉ tiêu đăng ký tuyển sinh.

+ **Xét tuyển học bạ THPT:** Không quá 50% chỉ tiêu đăng ký tuyển sinh, với các tiêu chí tốt nghiệp THPT hoặc tương đương, tổng điểm các môn: theo tổ hợp các môn đăng ký xét tuyển của năm lớp 12 đạt tối thiểu 18 điểm.

+ **Xét tuyển thẳng:** Theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với các với thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong Kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia THPT.

- **Tổ hợp môn xét tuyển:**

A00 (Toán - Lý – Hóa)

B00 (Toán – Hóa - Sinh),

B08 (Toán – Sinh – Tiếng Anh)

D01 (Toán – Ngữ Văn – Tiếng Anh)

- **Phạm vi tuyển sinh:** Cả nước và nước ngoài (nếu có)

➤ **Đối tượng tuyển sinh:**

- Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh theo Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT ngày 6/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục mầm non.

- Thực hiện theo Đề án tuyển sinh của trường Đại học Vinh.

3.5.2. Kế hoạch đảm bảo chất lượng đào tạo

➤ **Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý**

Nhà trường luôn chú trọng và tạo điều kiện cho cán bộ giảng viên, cán bộ quản lý trong Viện và bộ môn được học tập nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu đảm nhận chương trình đào tạo. Nhà trường luôn có chủ trương khuyến khích, tạo mọi điều kiện cho cán bộ giảng viên có trình độ Thạc sĩ phấn đấu đạt học vị Tiến sĩ để đáp ứng yêu cầu đảm nhận chương trình đào tạo khi quy mô đào tạo tăng lên.

- Kế hoạch ngắn hạn và trung hạn:

+ Chuyển đổi các giảng viên các ngành đào tạo khác có chuyên môn gần sang phụ trách giảng dạy các học phần chung (Cụ thể: 01 cán bộ bộ môn Môi trường, 03 cán bộ bộ môn Thủy sản)

+ Bộ môn đã xây dựng đội ngũ giảng viên thỉnh giảng có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng yêu cầu giảng dạy;

+ Tuyển mới các giảng viên có chuyên môn đúng về ngành Thú y hặc chuyên ngành phù hợp (Chăn nuôi, Khoa học động vật)

- Kế hoạch dài hạn:

Viện và Nhà trường có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng các giảng viên thuộc lĩnh vực các ngành đóng không tuyển sinh được (03 giảng viên ngành Khuyến nông) cử đi học Thạc sĩ, Tiến sĩ ngành Thú y hoặc Chăn nuôi.

➤ **Kế hoạch tăng cường cơ sở vật chất, đầu tư chi phí đào tạo**

Nhà trường và đơn vị chuyên môn luôn có kế hoạch theo năm và theo đợt 5 năm về vấn đề tăng cường tăng cường cơ sở vật chất. Hiện tại, nhà trường đang được sự tài trợ của Dự án hỗ trợ của ĐHQG Jeonbuk Hàn Quốc về phát triển phòng thí nghiệm, thực hành chuyên sâu về Thú y, bệnh viện Thú y nhằm phục vụ cho đề án đào tạo ngành Thú y.

➤ **Kế hoạch hợp tác quốc tế về đào tạo, tổ chức hội nghị, hội thảo và nghiên cứu khoa học**

Đội ngũ giảng viên của đơn vị luôn chú trọng trong việc hợp tác với các đồng

nghiệp quốc tế trong vấn đề nghiên cứu khoa học nhằm tạo sự kết nối quốc tế và nâng cao các công trình khoa học.

Hàng năm đơn vị chuyên môn sẽ trực tiếp đảm nhận nhiệm vụ đào tạo ngành Thú y luôn có kế hoạch tổ chức hội thảo và nghiên cứu khoa học cấp Viện. Bên cạnh đó đội ngũ giảng viên luôn có kế hoạch tham dự các hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và tạo sự kết nối với cộng đồng khoa học trong nước và quốc tế.

➤ ***Điều kiện tốt nghiệp***

Điều kiện xét, công nhận tốt nghiệp và xếp hạng tốt nghiệp được quy định theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT, ngày 18 tháng 03 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế đào tạo trình độ đại học. Quyết định số 2155/QĐ-ĐHV ngày 10/10/2017 của Trường Đại học Vinh. Sinh viên đủ các điều kiện sau thì được xét và công nhận tốt nghiệp: (i) cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức bị đình chỉ học tập; (ii) hoàn thành 160 tín chỉ của CTĐT; (iii) điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên; (iv) có chứng chỉ Ngoại ngữ B1, tương đương trình độ bậc 3/6 theo tham chiếu Châu Âu; (v) có chứng chỉ Giáo dục - Quốc phòng, Giáo dục thể chất; (vi) hoàn thành nghĩa vụ tài chính đối với Trường. Đối với những sinh viên tốt nghiệp sớm hoặc tốt nghiệp muộn phải có đơn đề nghị được xét tốt nghiệp.

Sau mỗi học kỳ, Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ vào các điều kiện công nhận tốt nghiệp để lập danh sách sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

➤ ***Mức học phí/người học/năm học, khoá học***

Học phí được thu theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo

➤ ***Kế hoạch chuẩn hoá chương trình và kiểm định chất lượng đào tạo***

Chương trình đào tạo sẽ được rà soát, chỉnh sửa, cập nhật và kiểm định chất lượng đào tạo định kỳ ít nhất 1 lần trong 5 năm theo quy định tại Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT ngày 22/6/2021.

IV. ĐIỀU KIỆN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ KHOA HỌC ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

4.1. Đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học thực hiện chương trình đào tạo

Đội ngũ giảng viên cơ hữu chủ trì và chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện chương trình đào tạo ngành Thú y như sau:

Bảng 7. Đội ngũ giảng viên cơ hữu đứng tên mở ngành Thú y trình độ đại học

TT	Họ và tên	Học hàm, năm phong	Học vị nước đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/chuyên ngành
1	Tô Long Thành	PGS,2009	Tiến sĩ, Pháp, 1995	Thú y
2	Lê Minh Sơn		Tiến sĩ, 2003, Việt Nam	Thú y
3	Hoàng Thị Mai		Tiến sĩ, 2021, Việt Nam	Chăn nuôi (Đại học: Thú y)
4	Lê Minh Hải		Tiến sĩ, 2019, Việt Nam	Công nghệ sinh học
5	Nguyễn Thị Thanh		Tiến sĩ, 2019, Việt Nam	Công nghệ sinh học

Với đội ngũ giảng viên cơ hữu đứng tên mở ngành Thú y trình độ đại học như bảng 7 hoàn toàn đáp ứng về chuyên môn theo Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/1/2022 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định điều kiện trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ. Cụ thể:

1) PGS.TS Tô Long Thành đã được Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư ngành Thú y (Quyết định số 174/2008/QĐ-TTg ngày 31/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ). PGS.TS Tô Long Thành đã ký hợp đồng lao động với Trường Đại học Vinh với chức danh là giảng viên từ 1/3/2021 đến 1/3/2024. Sau khi kết thúc hợp đồng lao động đã ký, Trường Đại học Vinh sẽ tiếp tục làm hồ sơ, thủ tục gia hạn hợp đồng cho PGS. TS Tô Long Thành.

2) TS. Lê Minh Sơn có các văn bằng sau: Bằng TS Nông nghiệp với đề tài luận án “*Nghiên cứu một số vi khuẩn gây ô nhiễm thịt lợn vùng Hữu Ngạn, Sông Hồng*”; Bằng Đại học Thú y; Bằng Thạc sĩ chuyên ngành Thú y. TS. Lê Minh Sơn đã ký hợp đồng lao

động với Trường Đại học Vinh với chức danh là giảng viên từ 1/3/2021 đến 1/3/2024. Sau khi kết thúc hợp đồng lao động đã ký, Trường Đại học Vinh sẽ tiếp tục làm hồ sơ, thủ tục gia hạn hợp đồng cho TS. Lê Minh Sơn.

3) TS. Hoàng Thị Mai có các văn bằng sau: Bằng TS Chăn nuôi; Bằng Đại học Thú y; Bằng Thạc sĩ chuyên ngành Chăn nuôi. TS. Hoàng Thị Mai là giảng viên của Viện Nông nghiệp và Tài nguyên từ năm 2009 đến nay. Với khung chương trình ngành Thú y, TS. Hoàng Thị Mai có thể đảm nhận giảng dạy các học phần chuyên sâu về Chăn nuôi và các học phần cơ bản về Thú y.

4) TS. Lê Minh Hải có các văn bằng sau: Bằng TS Nông nghiệp chuyên ngành Công nghệ sinh học với đề tài luận án “*Nghiên cứu đặc tính sinh học của vi khuẩn Photobacterium damsela* gây bệnh trên một số loài cá biển nuôi lồng tại Việt Nam và tạo chủng đột biến giảm động lực phục vụ sản xuất vắc xin phòng bệnh”; Bằng Đại học Sinh học; Bằng Đại học Nuôi trồng thủy sản; Thạc sĩ Nuôi trồng thủy sản. TS. Lê Minh Hải là giảng viên của Viện Nông nghiệp và Tài nguyên từ năm 2006 đến nay. Với khung chương trình ngành Thú y, TS. Lê Minh Hải có thể đảm nhận giảng dạy các học phần liên quan đến cơ sở ngành và chuyên ngành Thú y như: Di truyền giống vật nuôi, Miễn dịch học thú y, Hóa sinh động vật, Thực tập nghề thú y 2.

5) TS. Nguyễn Thị Thanh có các văn bằng sau: Bằng Tiến sĩ Nông nghiệp chuyên ngành Công nghệ sinh học với đề tài luận án “*Nghiên cứu một số đặc tính sinh học của vi rút gây hoại tử thần kinh và tạo kháng nguyên tái tổ hợp làm nguyên liệu sản xuất vắc xin phòng bệnh cho cá Mú*”; Bằng Đại học Nuôi trồng thủy sản; Thạc sĩ Nuôi trồng thủy sản. TS. Nguyễn Thị Thanh là giảng viên của Viện Nông nghiệp và Tài nguyên từ năm 2003 đến nay. Với khung chương trình ngành Thú y, TS. Nguyễn Thị Thanh có thể đảm nhận giảng dạy các học phần liên quan đến cơ sở ngành và chuyên ngành Thú y như: Công nghệ sản xuất và sử dụng vắc xin, Vệ sinh an toàn thực phẩm, Vệ sinh thú y.

4.3. Đội ngũ giảng viên thỉnh giảng giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo ngành Thú y

Bên cạnh đội ngũ giảng viên cơ hữu, hàng năm trong quá trình đào tạo sẽ tiến hành nghiên cứu và mời giảng viên thỉnh giảng có trình độ và khả năng giảng dạy tốt ở các đơn vị cơ sở giáo dục đào tạo với mục đích làm phong phú thêm nội dung cũng như nâng cao chất lượng giảng dạy của chương trình.

Bảng 8. Danh sách giảng viên thỉnh giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo ngành Thú y trình độ đại học

TT	Họ và tên	Học hàm, năm phong	Học vị nước đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/ chuyên ngành
1	Nguyễn Hữu Minh		Tiến sĩ, 2018, Việt Nam	Chăn nuôi
2	Nguyễn Thị Thu Hiền		Thạc sĩ, 2018, Việt Nam	Thú y
3	Võ Thị Hải Lê		Tiến sĩ, 2014, Việt Nam	Thú y

Ghi chú: Danh sách cập nhật hàng năm trong quá trình đào tạo

4.4. Đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo đại học hệ chính quy ngành Thú y

Đội ngũ giảng viên chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện chương trình đào tạo ngành Thú y.

- *Giảng viên giảng dạy các học phần thuộc chuyên ngành Thú y*

Bảng 9. Danh sách giảng viên giảng dạy các học phần thuộc chuyên ngành Thú y

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, năm tốt nghiệp, nước đào tạo	Chuyên ngành được đào tạo	Học phần dự kiến đảm nhận	Số tín chỉ
1	Tô Long Thành	PGS.TS, 1995, Pháp	Thú y	Bệnh lý học thú y	3
				Chẩn đoán bệnh thú y	3
				Bệnh sản khoa thú y	3
				Độc chất học thú y	3
2	Lê Minh Sơn	TS, 2003.	Thú y	Dược lý thú y	3

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, năm tốt nghiệp, nước đào tạo	Chuyên ngành được đào tạo	Học phần dự kiến đảm nhận	Số tín chỉ
		Việt Nam		Dịch tễ học thú y	3
				Bào chế và kiểm nghiệm thuốc thú y	2
3	Nguyễn Hữu Minh, 1980	Tiến sĩ, 2018, Việt Nam	Chăn nuôi	Chăn nuôi trâu bò Chăn nuôi lợn Công nghệ sinh sản động vật	2 2 2
4	Trần Đình Quang, 1966	TS, 2008. Hà Lan	Khoa học động vật (Chăn nuôi)	Chăn nuôi gia cầm Bệnh do rối loạn dinh dưỡng Đồ án tốt nghiệp	2 3 10
5	Lê Minh Hải, 1979	TS, 2019, Việt Nam	Công nghệ sinh học	Di truyền giống vật nuôi Miễn dịch học thú y Hóa sinh động vật Thực tập nghề thú y 2	4 3 3 5
6	Hoàng Thị Mai, 1986	Tiến sĩ, 2021 Việt Nam	Chăn nuôi (Đại học: Thú y)	Bệnh truyền nhiễm thú y Thực tập nghề thú y 1	4 5
7	Phạm Mỹ Dung, 1981	GVC. 2020 TS: 2018. Việt Nam	Công nghệ sinh học	Nhập môn Ngành Thú Y Kiểm nghiệm sản phẩm động vật Luật thú y	3 3 2
8	Nguyễn Thị Thanh, 1978	TS, 2018, Việt Nam	Công nghệ sinh học	Công nghệ sản xuất và sử dụng vắc xin Vệ sinh an toàn thực phẩm Vệ sinh thú y Ký sinh trùng thú y	2 2 3 3

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, năm tốt nghiệp, nước đào tạo	Chuyên ngành được đào tạo	Học phần dự kiến đảm nhận	Số tín chỉ
9	Tạ Thị Bình, 1979	TS, 2020, Việt Nam	Động vật học	Giải phẫu vật nuôi Sinh lý động vật Tổ chức và phôi thai học	4 3 3
10	Nguyễn Đình Vinh, 1979	TS, 2018, Việt Nam	Động vật học	Dinh dưỡng và thức ăn vật nuôi Marketing trong thú y	4 2
11	Hoàng Thị Thủy,	ThS, 2017, Việt Nam	Quản lý tài nguyên và Môi trường	Cơ sở quản lý tài nguyên và môi trường.	3
12	Trương Thị Thành Vinh, 1984	ThS, Việt Nam, 2010	Nuôi trồng thủy sản	Vi sinh vật đại cương Vi sinh vật thú y Bệnh học thủy sản	3 3 3
13	Nguyễn Thức Tuấn, 1976	TS, 2018, Ba Lan	Nuôi trồng thủy sản	- Phương pháp nghiên cứu khoa học trong chăn nuôi thú y - Tập tính và phúc lợi động vật - Dược liệu thú y	3 3 3

➤ **Giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy ngành Thú y:**

Bảng 10. Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các học phần

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ	Chức danh KH, năm phong,	Chuyên ngành đào tạo	Học phần dự kiến đảm nhận	Số TC
-----------	-------------------------------------	---------------------------------	-----------------------------	----------------------------------	--------------

		Học vị, nước, năm TN			
1	Nguyễn Thị Thu Hiền, 1989	Ths, 2015, Việt Nam	Thú y	Bệnh ở chó mèo	2
				Ngoại khoa thú y	3
				Bệnh lây truyền giữa động vật và người	3
2	Võ Thị Hải Lê	TS,VN, 2014	Thú y	Bệnh ở động vật hoang dã	3
				Nội khoa thú y	4
3	Nguyễn Hữu Minh, 1980	Tiến sĩ, 2018, Việt Nam	Chăn nuôi	Chăn nuôi trâu bò	2
				Chăn nuôi lợn	2
				Công nghệ sinh sản động vật	2

➤ **Giảng viên các ngành có liên quan tham gia giảng dạy ngành Thú y**

Bảng 11. Danh sách giảng các ngành có liên quan tham gia giảng dạy ngành Thú y

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ	Chức danh KH, năm phong, Học vị, nước, năm TN	Chuyên ngành đào tạo	Học phần, số tín chỉ dự kiến đảm nhận	Số TC
1	Nguyễn Thị Hải Yến	TS. Việt Nam	Kinh tế học (Kinh tế chính trị)	Kinh tế chính trị Mác – Lê Nin	2
2	Vũ Thị Phương Lê	TS: 2012 Việt Nam	Triết học	-Triết học Mác -Lê Nin - Chủ nghĩa xã hội khoa học	3 2
3	Phan Văn Tuấn	TS: 2017 Việt Nam	Khoa học Chính trị	Tư tưởng Hồ Chí Minh Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2 2
4	Ngô Trí Lục, Phó Trưởng	Tiến Sỹ, Trung Quốc	Thể dục thể thao	Giáo dục thể chất,	5

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ	Chức danh KH, năm phong, Học vị, nước, năm TN	Chuyên ngành đào tạo	Học phần, số tín chỉ dự kiến đảm nhận	Số TC
	Khoa Giáo dục thể chất				
5	Trần Văn Thông, 1973, Trưởng Khoa GDQP	Trung Tá, Thạc sỹ, Việt Nam, 2010	Giáo dục học	Giáo dục quốc phòng,	8
6	Trần Thị Phương Thảo	ThS: 2013 Việt Nam	Lý luận và phương pháp dạy học Tiếng Anh	Tiếng Anh 1	3
7	Lê Thị Tuyết Hạnh	TS: 2019 Việt Nam	Lý luận và phương pháp dạy học Tiếng Anh	Tiếng Anh 2	4
8	Cao Thanh Sơn, 1978	TS: 2016 Ba Lan	Tin học	Tin học ứng dụng trong Nông lâm ngư và Môi trường	3
9	Nguyễn Ngọc Bích, 1977	TS:2017 Việt Nam	Khoa học GD	Toán học	5
10	Đinh Thị Trường Giang, 1976	TS. 2012 PGS. 2018 Việt Nam	Hóa học	Hóa hữu cơ Hóa phân tích	2 3
11	Nguyễn Thị	TS:2016	Sinh học	Sinh học	5

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ	Chức danh KH, năm phong, Học vị, nước, năm TN	Chuyên ngành đào tạo	Học phần, số tín chỉ dự kiến đảm nhận	Số TC
	Thảo	Việt Nam			
12	Nguyễn Đức Diên	TS: 2019, Việt Nam	Sinh học		

➤ *Kỹ thuật viên, nhân viên cơ hữu hướng dẫn thí nghiệm phục vụ ngành Thú y*

Bảng 12. Danh sách kỹ thuật viên, nhân viên cơ hữu hướng dẫn thí nghiệm phục vụ ngành Thú y

TT	Họ và tên, năm sinh	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năm tốt nghiệp	Phụ trách phòng thí nghiệm, thực hành	Phòng thí nghiệm, thực hành phục vụ học phần trong chương trình đào tạo
-----------	----------------------------	---	--	--

1.	Phạm Anh Đức, 1975	Thạc sỹ, Nông nghiệp, 2007	- Phòng thực hành Chăn nuôi	<ul style="list-style-type: none"> - Giải phẫu vật nuôi - Sinh lý động vật - Động vật học - Giải phẫu vật nuôi - Chăn nuôi lợn - Chăn nuôi dê và thỏ - Chăn nuôi trâu bò - Chăn nuôi gia cầm - Công nghệ sinh sản động vật - Vi sinh vật chăn nuôi - Bệnh lý học thú y - Chẩn đoán bệnh thú y - Bệnh sản khoa thú y - Thú y cơ bản - Bệnh do rối loạn dinh dưỡng - Miễn dịch học thú y Bệnh ký sinh trùng - Bệnh truyền nhiễm thú y - Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thú y
2	Hà Thị Thanh Hải,	Thạc sỹ, Nông nghiệp, 2012	- Phòng Thí nghiệm Hóa, sinh và phân tích	<ul style="list-style-type: none"> - Hoá học - Sinh học - Dinh dưỡng và thức ăn vật nuôi - Dược lý thú y - Kiểm nghiệm sản phẩm động vật - Vệ sinh an toàn thực phẩm - Vệ sinh thú y - Độc chất thú y - Bảo chế và kiểm nghiệm thuốc thú y. - Di truyền và chọn giống vật nuôi - Dịch tễ học thú y - Thực tập cuối khóa - Bệnh chó mèo - Bệnh ngoại khoa thú y - Bệnh nội khoa thú y - Bệnh lây truyền giữa động vật và người

4.5. Xây dựng kế hoạch nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, cán bộ giảng viên

Bên cạnh đó, để từng bước nâng cao chất lượng và phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học ngành Thú y. Viện Nông Nghiệp Tài nguyên đã xây dựng kế hoạch, xác định thời gian, lộ trình giai đoạn 2023 - 2030 như sau:

Bảng 13. Kế hoạch nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, cán bộ giảng viên

TT	Họ và tên	Chuyên ngành đào tạo	Lộ trình cử đi đào tạo
1	Trương Thị Thành Vinh	Tiến sĩ, Thú y	2023
2	Trần Xuân Minh	Thạc sĩ, Thú y	2024
3	Nguyễn Thị Hương Giang	Thạc sĩ, Thú y	2025

4.6. Đội ngũ giảng viên đảm bảo chương trình dạy học ngành Thú y trong 2 năm đầu

Với đội ngũ giảng viên của Trường Đại học Vinh và Viện Nông nghiệp và Tài nguyên, chúng tôi đảm bảo giảng dạy đáp ứng đúng trình độ chuyên môn theo khung chương trình ngành Thú y trong 2 năm đầu. Cụ thể:

Bảng 14. Đội ngũ giảng viên giảng dạy 2 năm đầu

STT	Mã học phần	Tên học phần	S T C	Phân kỳ	Khối kiến thức	Khoa/Viện/Bộ môn phụ trách	Giảng viên đảm nhận
1	ATY30001	Nhập môn Ngành Thú Y	3	1	GDĐC	Viện NN&TN	TS. Hoàng Thị Mai (TS Chăn nuôi, Đại học thú y)
2	POL11001	Triết học Mác - Lê Nin	3	1	GDĐC	GD Chính trị	TS. Vũ Thị Phương Lê (TS Triết học)
3	POL11002	KT chính trị Mác - Lê Nin	2	1	GDĐC	GD Chính trị	TS. Nguyễn Thị Hải Yến (TS Kinh tế chính trị)
4	ENG10001	Tiếng Anh 1	3	1	GDĐC	Ngoại ngữ	TS. Lê Thị Tuyết Hanh (TS LL và PP dạy học BM Tiếng Anh)
5	MAT20005	Toán học (Xác suất thống kê)	5	1	GDĐC	Khoa Toán	TS. Nguyễn Ngọc Bích (TS LL và PP dạy học BM toán)
6	CHE30001	Hoá hữu cơ	2	2	GDĐC	Khoa Hóa	PGS.TS. Lê Đức Giang (PGS ngành Hoá học)
7	BIO20001	Sinh học	5	2	GDĐC	Khoa Sinh	TS. Nguyễn Đức Diện (TS Sinh học)
8	POL11003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	GDĐC	Khoa Hóa	TS. Vũ Thị Phương Lê (TS Triết học)
9	CHE30002	Hoá phân tích	3	2	GDĐC	Khoa hoá	PGS.TS. Đinh Thị Trường Giang (PGS ngành Hoá học)

10	INF20003	Tin học ứng dụng trong Nông lâm ngư và môi trường	3	2	GDĐC	Khoa Tin	TS. Cao Thanh Sơn (TS Khoa học máy tính)
11	RES20001	Cơ sở quản lý tài nguyên và môi trường	3	2	GDĐC	Viện NN&TN	ThS. Hoàng Thị Thủy (ThS. Chuyên ngành QLTN&MT)
12	POL11004	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	3	GDĐC	GD Chính trị	TS. Nguyễn Văn Tuấn (TS Khoa học chính trị)
13	POL10002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	3	GDĐC	GD Chính trị	TS. Nguyễn Văn Tuấn (TS Khoa học chính trị)
14	ATY30002	Vi sinh vật đại cương	3	3	GDĐC	Viện NN&TN	TS. Nguyễn Đình Vinh (TS chuyên ngành Động vật học)
15	ENG10002	Tiếng Anh 2	4	3	GDĐC	Ngoại ngữ	TS. Lê Thị Tuyết Hạnh (TS LL và PP dạy học BM Tiếng Anh)
16	ATY30003	Hóa sinh động vật	3	3	GDĐC	Viện NN&TN	TS. Lê Minh Hải (TS Công nghệ sinh học)
17	ATY30004	Tổ chức và phôi thai học	3	3	GDCN	Viện NN&TN	TS. Hoàng Thị Mai (TS. Chăn nuôi, Đại học thú y)
18	ATY30005	Giải phẫu vật nuôi	4	4	GDCN	Viện NN&TN	TS. Tạ Thị Bình (TS chuyên ngành Động vật học)
19	ATY30006	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong chăn nuôi - Thú y	3	4	GDCN	Viện NN&TN	TS. Tạ Thị Bình (TS chuyên ngành Động vật học)
20	ATY30007	Sinh lý động vật	4	4	GDCN	Viện NN&TN	TS. Nguyễn Thị Thanh (TS Công nghệ sinh học)
21	ATY30008	Dinh dưỡng và thức ăn vật nuôi	4	4	GDCN	Viện NN&TN	TS. Trần Đình Quang (TS Khoa học động vật)
22	ATY30009	Vi sinh vật học thú y	3	4	GDCN	Viện NN&TN	TS. Nguyễn Đình Vinh (TS chuyên ngành Động vật học)

V. ĐIỀU KIỆN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

➤ Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị của Trường Đại học Vinh

Trường Đại học Vinh có cơ sở chính tại số 182, đường Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Trong những năm qua, với sự quan tâm đầu tư của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo và sự giúp đỡ của tỉnh Nghệ An, tỉnh Hà Tĩnh, Nhà trường đã có hệ thống cơ sở vật chất hiện đại, cơ bản đáp ứng được yêu cầu của Nhà trường trong thời kỳ hội nhập.

Quy hoạch đất để xây dựng Trường đã được phê duyệt là 130 ha, trong đó diện tích đã được xây dựng và đưa vào sử dụng là 44,12 ha.

Hiện nay, Trường có 5 cơ sở:

+ Cơ sở 1 tại số 182 đường Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; diện tích gần 14 ha. Đây là nơi tập trung hệ thống quản lý nhà trường, văn phòng làm việc của các đơn vị trong trường, hệ thống phòng học, các phòng thí nghiệm - thực hành, thư viện, ký túc xá, trạm y tế, sân vận động, nhà tập đa năng,...

+ Cơ sở 2: Hiện tại là nơi đào tạo của Viện Nông nghiệp và Tài nguyên, Khoa Giáo dục Thể chất, Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh Trường Đại học Vinh,

Làng sinh viên tại xã Nghi Ân, thành phố Vinh và xã Nghi Phong, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An với diện tích đã đưa vào sử dụng là 19,2 ha.

+ Cơ sở 3: Trung tâm Thực hành nuôi trồng Thủy sản mặn - lợ tại xã Xuân Trường, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, diện tích 9,3 ha.

+ Cơ sở 4: Trung tâm Thực hành nuôi trồng Thủy sản nước ngọt tại thị trấn Hưng Nguyên, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An; diện tích 1,4 ha.

+ Cơ sở 5: Khu Ký túc xá sinh viên tại phường Hưng Bình, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, diện tích 0,6 ha.

Trường Đại học Vinh được đánh giá là cơ sở giáo dục đại học có cơ sở vật chất vào tốp đầu của cả nước. Trường có: 10 hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ; 36 phòng học từ 100 đến 200 chỗ; 85 phòng học từ 50 đến 100 chỗ; 155 phòng học dưới 50 chỗ; 16 phòng học đa phương tiện; 78 phòng làm việc của các đơn vị chức năng; 14 phòng làm việc của GS, PGS, giảng viên cơ hữu; 2 thư viện, trung tâm học liệu; 3 trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập. Hệ thống phòng học được trang bị đầy đủ tiện nghi cho giảng dạy và học tập.

Trung tâm Thông tin - Thư viện Nguyễn Thúc Hào là thư viện lớn nhất khu vực Bắc miền Trung, là một tòa nhà 7 tầng với diện tích sàn gần 9.000 m² gồm không gian học tập tầng 1, 6 phòng học, 1 phòng xử án mô phỏng, 3 phòng máy tính, 8 kho sách và phòng đọc với gần 1.500 chỗ ngồi. Thư viện hiện nay có hệ thống mượn - trả sách tự động; hệ thống trả sách 24/7; hệ thống máy tính; phần mềm quản lý thư viện Kipos; máy scan - số hóa. Không gian học tập với đầy đủ các phương tiện hiện đại, máy tính kết nối mạng cho sinh viên tự học, đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo tiếp cận theo CDIO.

Tài liệu gồm có 16.118 tên với 175.095 cuốn; 16.191 luận văn thạc sĩ và 4.652 luận án tiến sĩ. Thư viện số tại địa chỉ <http://thuvien.vinhuni.edu.vn/> cung cấp 21.021 tài liệu trong đó có rất nhiều tài liệu phục vụ cho chương trình đào tạo ngành Thú y; trong đó tạp chí khoa học nước ngoài có thể truy cập cơ sở dữ liệu điện tử Proquest Center và các cơ sở dữ liệu điện tử khác có liên kết.

Trường có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại, bao gồm: Hệ thống hạ tầng mạng gồm trục kết nối 15 tòa nhà bằng 5 đường truyền với độ dài gần 10km đảm bảo tốc độ kết nối 1Gbps cho hơn 1.000 máy tính của Nhà trường. Hệ thống mạng wifi với hơn 250 điểm truy cập được lắp đặt trong khuôn viên Nhà trường, các phòng học, phòng thí nghiệm, sân chơi, bãi tập, ký túc xá,... hiện đang phục vụ miễn phí cho cán bộ

và sinh viên. Hệ thống camera được lắp đặt tại các vị trí, góp phần đảm bảo công tác an ninh, trật tự trong Nhà trường.

Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm với 50 phòng thí nghiệm được quy hoạch phù hợp với các ngành đào tạo theo tiếp cận CDIO, trang thiết bị hiện đại, được bổ sung thường xuyên. Ngoài ra, Trường còn có xưởng thực tập, thực hành hiện đại; phòng thực hành nhạc họa; vườn ươm, ao nuôi thực nghiệm đảm bảo phục vụ tốt công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên, sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh. Đặc biệt, Trường Đại học Vinh đã xây dựng được hệ thống các "phòng thí nghiệm phổ thông" khá hoàn chỉnh để phục vụ đào tạo sinh viên khối ngành đào tạo giáo viên.

Ký túc xá sinh viên có 775 phòng ở, đáp ứng nhu cầu phục vụ cho hơn 4.200 học sinh, sinh viên, học viên; trong đó: Ký túc xá Cơ sở I có 315 phòng ở; Khu nhà ở Hưng Bình có 136 phòng ở; Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh Trường Đại học Vinh có 84 phòng ở và Làng Sinh viên Cơ sở II có 240 phòng ở.

Ký túc xá được đầu tư khang trang, sạch đẹp, các phòng đều có máy nước nóng lạnh, điều hòa nhiệt độ... an ninh trật tự được đảm bảo. Trạm Y tế của Trường được bố trí khuôn viên riêng, có 8 phòng làm việc với đội ngũ 11 y, bác sỹ, với đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại và thuốc, vật tư y tế đáp ứng tốt nhu cầu chăm sóc sức khỏe ban đầu và khám, chữa bệnh cho cán bộ, viên chức và học sinh, sinh viên, học viên trong Trường. Nhà ăn cho cán bộ, sinh viên được xây dựng, tổ chức ở cả Cơ sở I và Cơ sở II của Nhà trường, phục vụ chủ yếu cho hơn 1.000 sinh viên ở tập trung trong các Ký túc xá sinh viên.

Bảng 15. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy của Nhà trường

TT	Loại phòng học	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học
1	Phòng học	212	15.723	- Ampli, loa - Máy chiếu	131 131	Tất cả các môn học
2	Giảng đường	4	930	- Ampli, loa - Máy tính - Máy chiếu - Tivi - Tủ điều khiển	4 4 4 4 2	Tất cả các môn học

3	Phòng học đa phương tiện	62	6.032	- Ampli, loa - Máy tính - Máy chiếu - Tivi - Tủ điều khiển	62 42 42 3 1	Tất cả các môn học
4	Phòng học ngoại ngữ	6	354	- Ampli, loa - Máy tính - Máy chiếu - Đầu đĩa - Tai nghe - Máy chủ	6 300 6 6 300 6	Các học phần Ngoại ngữ
5	Phòng máy tính	10	1.302	- Máy tính	1150	Các học phần Tin học
6	Phòng làm việc phòng, ban, văn phòng khoa, trung tâm, viện...)	74	2.991	- Đầy đủ các thiết bị văn phòng		
7	Phòng thực hành, thí nghiệm	93	137.248	- Đầy đủ các thiết bị, máy móc phục vụ thực hành, thí nghiệm trong chăn nuôi, thú y		Các học phần Thực hành thí nghiệm

➤ **Cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thực hành ngành đào tạo Thú y**

Cơ sở 2 của Trường Đại học Vinh là nơi đào tạo của Viện Nông nghiệp và Tài nguyên, Khoa Giáo dục Thể chất, Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh Trường Đại học Vinh, Làng sinh viên tại xã Nghi Ân, thành phố Vinh và xã Nghi Phong, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An với diện tích đã đưa vào sử dụng là 19,2 ha.

Hệ thống phòng học, phòng thực hành, trang thiết bị thí nghiệm, thư viện và mạng lưới internet là cơ sở cần thiết phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học cho sinh viên của Viện. Các thiết bị được tài trợ thông qua các dự án vừa qua đều xuất phát từ yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của các tổ bộ môn nên đã được khai thác sử dụng tối đa để phục vụ cho các bài thí nghiệm đào tạo đại học. Hầu hết các máy so màu, quang phổ, thiết bị phân tích môi trường, hệ thống chưng cất, sắc ký,... thường xuyên phục vụ đào tạo các ngành của Viện. Ngoài ra các thiết bị hỗ trợ cho giảng dạy như

đèn chiếu, máy chiếu đa chức năng, máy chiếu vật thể, kính lúp gắn camera được sử dụng thường xuyên trong các bài thực hành, xemina, báo cáo khoa học, bảo vệ, đồ án,... Các trang thiết bị đã được đưa vào sử dụng và phát huy có hiệu quả.

Bảng 16. Hệ thống phòng thực hành, trang thiết bị phục vụ thực hành, thực tập

TT	Tên phòng thí nghiệm, xưởng, trạm trại, cơ sở thực hành	Diện tích (m ²)/ Phòng	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
1	Phòng thực hành máy tính	80	Máy tính (kết nối mạng LAN và Internet)	24	- Tin học đại cương
2	Phòng thực hành, thí nghiệm chăn nuôi	70	Cân phân tích điện tử	1	- Hóa sinh động vật
			Bơm chân không	1	- Giải phẫu vật nuôi
			Máy khuấy trộn	1	- Sinh lý động vật
			Máy khuấy từ có gia nhiệt	1	- Động vật học
			Máy li tâm có gia nhiệt và 5 bộ ống	1	- Giải phẫu vật nuôi - Chăn nuôi lợn
			Máy nghiền cho phân tích	1	- Chăn nuôi dê và thỏ
			Máy so màu digital	1	- Chăn nuôi trâu bò
			Tủ sấy	1	- Chăn nuôi gia cầm
			Cân kỹ thuật	2	- Công nghệ sinh sản động vật
			Kính hiển vi quang học 2 mắt	10	- Công nghệ sinh sản động vật
			Máy đo pH	2	- Công nghệ sinh sản động vật
			Máy đo pH/ mV,T để bàn	2	- Công nghệ sinh sản động vật
			Máy đo diện tích lá cầm tay	1	- Công nghệ sinh sản động vật
			Máy đo độ ẩm	2	- Công nghệ sinh sản động vật
			Máy nghiền đất	1	- Công nghệ sinh sản động vật
			Máy so màu digital	1	- Công nghệ sinh sản động vật
			Nhiệt kế	1	- Công nghệ sinh sản động vật
Tủ lạnh khô	1	- Công nghệ sinh sản động vật			
Bếp đun dạng Block	1	- Công nghệ sinh sản động vật			
Kính hiển vi soi nổi	1	- Công nghệ sinh sản động vật			

TT	Tên phòng thí nghiệm, xưởng, trạm trại, cơ sở thực hành	Diện tích (m ²)/ Phòng	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
			Kính hiển vi Video + Tivi	1	
			Nhiệt ẩm kế	1	
			Nhiệt kế	1	
			Nồi cách thủy ổn nhiệt	1	
			Nồi hấp	1	
			Tủ ẩm	2	
			Tủ lạnh sâu	1	
			Bộ vi phẫu cho thực tập tế bào	1	
			Máy li tâm tương thích nhiều rotor	1	
			Máy rửa dụng cụ thủy tinh	1	
			Máy sấy chân không	1	
			Nồi lên men	1	
			Tủ ẩm	2	
			Tủ colinform	1	
			Tủ hút vô trùng	2	
			Bộ đồ mổ nhỏ	5	
			Bộ đồ mổ đại gia súc	2	
			Bộ đồ sản khoa	2	
			Bộ bơm, kim tiêm đa hệ	100	
			Chuồng nuôi lợn cá thể	2	
			Chuồng lợn sinh sản	2	
			Mô hình lợn	1	
			Mô hình bò	1	
			Mô hình gà	1	
			Bộ xương ngựa	2	

TT	Tên phòng thí nghiệm, xưởng, trạm trại, cơ sở thực hành	Diện tích (m ²)/ Phòng	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành						
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần				
			Cân đại gia súc	2					
			Giá không chế gia súc	2					
			Khay đựng tráng men	20					
			Móc treo tiểu gia súc	5					
			Móc đại gia súc	2					
			Giá không chế gia súc	2					
			Máy siêu âm cầm tay	2					
			Máy siêu âm đo độ dày mỡ lưng	2					
			Real time PCR	1					
			3	Phòng thực hành, thí nghiệm bệnh động vật và công nghệ sinh học thú y		80	Bếp điện đun có gia nhiệt	2	- Vi sinh vật chăn nuôi - Bệnh lý học thú y - Chẩn đoán bệnh thú y - Bệnh sản khoa thú y - Thú y cơ bản - Bệnh do rối loạn dinh dưỡng - Miễn dịch học thú y - Bệnh ký sinh trùng - Bệnh truyền nhiễm thú y - Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thú y
							Hệ thống soxlet	1	
Máy cất nước	2								
Máy đếm khuẩn	1								
Máy đo pH	2								
Máy li tâm có gia nhiệt	1								
Máy rửa dụng cụ thủy tinh	1								
Máy sấy chân không	1								
Nồi cách thủy ổn nhiệt	1								
Nồi hấp	1								
Nồi lên men	1								
Tủ âm	2								
Tủ coliform	1								
Tủ hút vô trùng	2								
Kính hiển vi quang học	10								
Kính soi nổi	2								
Kính lúp	10								

TT	Tên phòng thí nghiệm, xưởng, trạm trại, cơ sở thực hành	Diện tích (m ²)/ Phòng	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
			Tủ coliform	1	- Di truyền và chọn giống vật nuôi
			Máy đo quang điện	1	
			Tủ hút phòng thí nghiệm	1	- Dịch tễ học thú y
			Máy nghiền mẫu khô	2	- Thực tập cuối khóa
			Máy sinh tố đa năng	2	- Bệnh chó mèo
			Máy cất nước	1	- Bệnh ngoại khoa thú y
			Bể ủ nhiệt	1	- Bệnh nội khoa thú y
			Đĩa lồng thủy tinh	6	
			Máy rửa pipét tự động - Model: MPC	1	- Bệnh lây truyền giữa động vật và người
			Hệ thống máy sắc ký khí-sắc ký khí khối phổ, GC, GC/MS)	1	
			4	Phòng Thí nghiệm hóa, sinh và phân tích	80
Ion chromatography system	1	- Dinh dưỡng và thức ăn vật nuôi			
Máy quang phổ hấp thụ nguyên tử	1	- Dược lý thú y			
Bộ hoá hơi thủy ngân	1	- Kiểm nghiệm sản phẩm động vật			
Quang phổ UV-VIS	1	- Vệ sinh an toàn thực phẩm			
Thiết bị điện hóa	1	- Vệ sinh thú y			
Thiết bị đo pH met	1	- Độc chất thú y			
Thiết bị đo năng lượng Entanpi và Entropi	1	- Bảo chế và kiểm nghiệm thuốc thú y.			
Thiết bị chuẩn độ	2	- Thực tập tốt nghiệp			
Thiết bị đo phân cực kế	2				
			Bình kíp	3	

TT	Tên phòng thí nghiệm, xưởng, trạm trại, cơ sở thực hành	Diện tích (m ²)/ Phòng	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
			Thiết bị chưng cất	3	
			Các loại bình khí N ₂ O,Ar,C ₂ H ₂	1	
			Đèn catốt rỗng	1	
			Đèn Na-K	1	
			Đèn Al-Ca-Ag	1	
			Đèn Pd	1	
			Đèn Cd	1	
			Đèn Ni	1	
			Đèn Cu-Fe-Mn-Zn	1	
			Đèn Hg	1	
			Đèn As	1	
			Đèn Cr	1	
			Khay mẫu	1	
			Máy bơm nước	1	
			Máy nén không khí	1	
			Máy tính +Máy in	1	
			Thân máy chính	1	
			Hệ thống sắc ký điện di	1	
			Cột điện di	1	
			CEC Capillary C18	1	
			CEC Capillary C18	1	
			CEC CapHYP>phenyl	1	
			Oganic acidstest	1	
			Máy tính và máy in	1	
			Thân máy chính	1	

TT	Tên phòng thí nghiệm, xưởng, trạm trại, cơ sở thực hành	Diện tích (m ²)/ Phòng	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
			Hệ thống quang phổ hồng ngoại	1	
			Bộ ép mẫu	1	
			Bơm chân không	1	
			Bơm dầu thuỷ lực	1	
			Cối chà mã nã	1	
			Kít mẫu	1	
			Máy in+Máy tính	1	
			Máy trộn	1	
			Hệ thống máy UV-Vis	1	
			Cân kỹ thuật	1	
			Cân phân tích điện tử	1	
			Tủ sấy	1	
			Kính hiển vi quang học 2 mắt	5	
			Máy đo pH	1	
			Máy đo pH/ mV,T để bàn	1	
			6	Trại thực tập nuôi thủy sản ngọt và chăn nuôi Hưng Nguyên	
Nhiệt kế thường	1				
Tủ lạnh khô	1	- Thực tập rèn nghề chăn nuôi			
Bếp đun dạng Block	1				
Kính hiển vi soi nổi	1	Thực tập cuối khóa			
Kính hiển vi Video + Tivi	1	- Thực tế nghề chăn nuôi			
Nhiệt ẩm kế	2	- Thực tập rèn nghề chăn nuôi			
Nhiệt kế điện tử	2				
Nồi cách thuỷ ổn nhiệt	1	chăn nuôi			
Nồi hấp	1	Thực tập cuối khóa			

TT	Tên phòng thí nghiệm, xưởng, trạm trại, cơ sở thực hành	Diện tích (m ²)/ Phòng	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành						
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần				
			Tủ âm	1	- Thực tế nghề chăn nuôi				
			Máy siêu âm cầm tay	1					
			Máy siêu âm đo độ dày mỡ lưng	1	- Thực tập rèn nghề chăn nuôi				
			Bộ đồ mổ nhỏ	1	- Thực tập cuối khóa				
			Bộ đồ mổ đại gia súc	1					
			Bộ đồ sản khoa	1					
			Bộ bơm, kim tiêm đa hệ	1					
			Chuồng nuôi lợn cá thể	30					
			Chuồng lợn sinh sản	10					
			Chuồng gà	15					
			Chuồng trâu bò	5					
			Giá khổng chế gia súc	1					
			Móc treo tiêu gia súc	1					
			Móc đại gia súc	1					
			Bộ đồ mổ nhỏ	1					
			Bộ đồ mổ đại gia súc	1					
			Bộ đồ sản khoa	1					
			Bộ bơm, kim tiêm đa hệ	1					
			Chuồng nuôi lợn cá thể	10					
			Chuồng lợn sinh sản	10					
			7	Trại thực tập nuôi thủy sản mặn lợ và chăn nuôi Nghi Xuân		920.000	Chuồng gà	20	- Thực tế nghề chăn nuôi
							Chuồng trâu bò	10	
					Cân đại gia súc		1	- Thực tập rèn nghề chăn nuôi	
Máy siêu âm cầm tay	1	Thực tập cuối khóa							

Ngoài ra, sinh viên học ngành thú y sẽ được thực hành thực tập tại các phòng thí nghiệm chi cục thú y vùng 3, chi cục chăn nuôi thú y tỉnh Nghệ An. Trường đã ký thỏa thuận hợp tác trong đào tạo và tuyển dụng với các doanh nghiệp và tập đoàn trong lĩnh vực chăn nuôi, thú y (như: Công ty Cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam, Công ty Cổ phần GreenFeed Việt Nam, Công ty Công ty TNHH De Heus, Công ty TNHH DARBY – CJ GENETICS, TH True Milk, các phòng khám chữa bệnh thú cưng,...) nên sinh viên sẽ được gửi đến các cơ sở trên để học tập và nghiên cứu tiếp cận với công nghệ và trang thiết bị hiện đại của doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, để tăng cường cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học cho giảng viên, cán bộ khoa học và sinh viên ngành Thú y, Viện Nông Nghiệp và Tài Nguyên - Đại học Vinh đã xây dựng kế hoạch, xác định thời gian, lộ trình trang bị cơ sở vật chất như sau:

Bảng 17. Kế hoạch tăng cường cơ sở vật chất phục vụ đào tạo

TT	Danh mục Cơ sở vật chất	Số lượng	Lộ trình	Đơn vị thực hiện
1	- Thành lập trung tâm thực hành thí nghiệm chung - Hỗ trợ Thiết bị/công cụ - Xây dựng bệnh viện Thú y	Theo thực tế	2023-2025	Dự án hỗ trợ của ĐHQG Jeonbuk Hàn Quốc
2	Bản quyền truy cập cơ sở dữ liệu trong nước và quốc tế về sách, tạp chí về ngành Thú y	Theo đề cương chi tiết học phần	2023	-Trung tâm thư viện Nguyễn Thúc Hào
3	Giáo trình, sách chuyên khảo, sách tham khảo	Mua sắm thường xuyên	Thường xuyên	- Viện NN&TN - Trung tâm thư viện Nguyễn Thúc Hào - Dự án hỗ trợ của ĐHQG Jeonbuk Hàn Quốc

VI. HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ

6.1. Hoạt động nghiên cứu khoa học

6.1.1. Các đề tài nghiên cứu của giảng viên cơ hữu đã thực hiện

Bảng 18. Danh sách đề tài nghiên cứu của giảng viên cơ hữu đã thực hiện liên quan đến ngành

Số TT	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Kết quả nghiệm thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)
1	Cấp nhà nước	“Nghiên cứu sự phân bố các biến chủng (clade) mới của vi rút cúm A/H5N1 trên đàn gia cầm ở Việt Nam làm cơ sở cho việc phòng chống dịch bệnh đạt hiệu quả cao”	Chủ nhiệm	Đạt	Tô Long Thành Bệnh lý học thú y - Học kỳ 2, năm thứ 3 Độc chất học thú y - Học kỳ 2, năm thứ 3
2	Cấp nhà nước	Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ sản xuất vắc xin nước độc, vô hoạt phòng bệnh cho gia súc, gia cầm và ứng dụng kỹ thuật gen xác định type virus Lở mồm Long móng.	Chủ nhiệm	Đạt	Tô Long Thành Chẩn đoán bệnh thú y - Học kỳ 1, năm thứ 3
3	Cấp nhà nước	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ sản xuất và sử dụng Kit chẩn đoán một số bệnh nguy hiểm của vật nuôi	Thư ký đề tài và chủ trì đề tài nhánh.	Đạt	Tô Long Thành Bệnh sản khoa thú y - Học kỳ 1, năm thứ 4
4	Cấp bộ	Dự án điều tra lập bản đồ dịch tễ bệnh đậu Dê tại một số tỉnh chăn nuôi Dê trọng điểm phía Bắc Việt Nam	Chủ nhiệm	Đạt	Lê Minh Sơn Dược lý thú y - Học kỳ 1, năm thứ 3 Dịch tễ học thú y - Học kỳ 1, năm thứ 3
5	Cấp Bộ	Đánh giá thiệt hại kinh tế và tính khả thi khống chế bệnh sán lá gan lớn trong chăn nuôi bò ở đồng bằng sông hồng, Việt Nam		Chưa kết thúc	Lê Minh Sơn Bảo chế và kiểm nghiệm thuốc thú y - Học kỳ 1, năm thứ 5
6	Cấp nhà nước	Sản xuất thử nghiệm giống lợn Xao Va tại một số tỉnh vùng Bắc Trung bộ	Chủ nhiệm	Đạt	Lê Minh Hải Di truyền giống vật nuôi - Học kỳ 1, năm thứ 3 Miễn dịch học thú y - Học kỳ 1, năm thứ 3 Hóa sinh động vật - Học kỳ 1, năm thứ 2
7	Cấp quốc gia	Khai thác và phát triển nguồn gen lợn Xao Va tại tỉnh Nghệ An	Chủ nhiệm		Hoàng Thị Mai Bệnh truyền nhiễm thú y - Học kỳ 1, năm thứ 4 Thực tập nghề thú y 1-

Số TT	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Kết quả nghiệm thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)
					Học kỳ 1, năm thứ 4

6.1.2. Các công trình công bố của giảng viên cơ hữu đã thực hiện

Bảng 19. Danh mục các công trình công bố của giảng viên cơ hữu đã thực hiện liên quan đến ngành Thú y

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
1	Sealy JE, Fournie G, Trang PH, Dang NH, Sadeyen JR, Thanh TL, van Doorn HR, Bryant JE, Iqbal M “Poultry trading behaviours in Vietnamese live bird markets as risk factors for avian influenza infection in chickens”. <i>Transbound Emerg Dis.</i> 2019 Nov;66(6):2507-2516. doi: 10.1111/tbed.13308. Epub 2019 Aug 9	
2	Thi Nguyen D, Shepard SS, Burke DF, Jones J, Thor S, Nguyen LV, Nguyen TD, Balish A, Hoang DN, To TL, Iqbal M, Wentworth DE, Spackman E, van Doorn HR, Davis CT, Bryant JE “Antigenic characterization of highly pathogenic avian influenza A(H5N1) viruses with chicken and ferret antisera reveals clade-dependent variation in hemagglutination inhibition profiles”. <i>Emerg Microbes Infect.</i> 2018 May 31;7(1):100. doi: 10.1038/s41426-018-0100-7	
3	Takemae N, Nguyen PT, Le VT, Nguyen TN, To TL, Nguyen TD, Pham VP, Vo HV, Le QVT, Do HT, Nguyen DT, Uchida Y, Saito T. “Appearance of reassortant European avian-origin H1 influenza A viruses of swine in Vietnam” <i>Transbound Emerg Dis.</i> 2018 Aug;65(4):1110-1116	
4	Nguyen DT, Jang Y, Nguyen TD, Jones J, Shepard SS, Yang H, Gerloff N, Fabrizio T, Nguyen LV, Inui K, Yang G, Creanga A, Wang L, Mai DT, Thor S, Stevens J, To TL, Wentworth DE, Nguyen T, Pham DV, Bryant JE, Davis CT.” <i>Shifting Clade Distribution, Reassortment, and Emergence of New Subtypes of Highly Pathogenic Avian Influenza A(H5) Viruses Collected from Vietnamese Poultry from 2012 to 2015</i> ” Published online 2017 Feb 14. Prepublished online 2016 Dec 21.	
5	Takemae N, Harada M, Nguyen PT, Nguyen T, Nguyen TN, To TL, Nguyen TD, Pham VP, Le VT, Do HT, Vo HV, Le QVT, Tran TM, Nguyen TD, Thai PD, Nguyen DH, Le AQT, Nguyen DT, Uchida Y, Saito T “Influenza A Viruses of Swine (IAV-S) in Vietnam from 2010 to 2015: Multiple Introductions of A(H1N1)pdm09 Viruses into the Pig Population and Diverging Genetic Constellations of Enzootic IAV-S” <i>J Virol.</i> 2016 Dec 16;91(1):e01490-16. doi: 10.1128/JVI.01490-16. Print 2017 Jan 1	
6	Nguyễn Thị Thanh, Phạm Mỹ Dung, Vi Thị Trang (2020), “Tình hình mắc bệnh viêm tử cung trên heo nái tại huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk và biện pháp phòng trị”, Tạp	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
	chí Nông nghiệp và PTNT, ISSN 1859 – 4581, năm 2022	
7	Nguyễn Kim Đường và Hoàng Thị Mai, <i>Môn học chăn nuôi cơ bản đối với các kỹ sư nông nghiệp</i> , Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Vinh, Tập 40, số 4A, năm 2011.	
8	Hoàng Thị Mai, Nguyễn Xuân Bả, Hoàng Nghĩa Duyệt, <i>Hiện trạng nuôi gà thả vườn ở vùng ven thành phố Vinh và hiệu quả mô hình nuôi gà dựa trên nguồn thức ăn sẵn có và giun quế</i> , Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Vinh, Tập 43, số 2A, năm 2014. tr. 43-51.	
9	Nguyễn Tiến Vờn, Nguyễn Hữu Văn, Nguyễn Xuân Bả, Hoàng Thị Mai, <i>Ảnh hưởng của khẩu phần cỏ trồng ăn tự do (ad libitum) và thức ăn tinh đến tăng trọng của bò trong giai đoạn vỗ béo và hiệu quả kinh tế của quy trình nuôi</i> , Tạp chí khoa học, Đại học Huế, Tập 89, số 1, năm 2014, tr. 221-229.	
10	Nguyễn Tiến Vờn, Hoàng Thị Mai, Nguyễn Hữu Văn, Nguyễn Xuân Bả. <i>Ảnh hưởng của thức ăn tinh bổ sung cho mẹ và con đến tăng trọng của bê trong giai đoạn bú sữa</i> . Tạp chí khoa học Đại học Huế, số 1, năm 2015.	
11	Nguyễn Tiến Vờn, Nguyễn Xuân Bả, Nguyễn Hữu Văn, Hoàng Thị Mai. <i>Thí điểm thành lập câu lạc bộ nuôi bò thâm canh: Nghiên cứu trường hợp xã Cam Tuyền, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị</i> . Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, số 20, năm 2014.	
12	Hoàng Thị Mai, Nguyễn Thị Tiếng, Nguyễn Thị Thu Thủy. <i>Hiện trạng chăn nuôi lợn Xao Va tại Nghệ An</i> . Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Vinh, Tập 44, số 3A, 2015.	
13	Hoàng Thị Mai, Nguyễn Thị Tiếng, Nguyễn Thị Thu Thủy. <i>Đánh giá sự đa dạng di truyền của giống lợn Xao Va bằng chỉ thị phân tử</i> . Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Chuyên đề giống cây trồng vật nuôi, tập 1, năm 2017, tr 207-215.	
14	Nguyễn Xuân Bả, Đinh Văn Dũng, Nguyễn Thị Mùi, Nguyễn Hữu Văn, Hoàng Thị Mai, Trần Thanh Hải, David Parsons, Rowan Smith, Jeff Corfield, Laurie Bonney. <i>Hệ thống chăn nuôi bò sinh sản và ảnh hưởng bổ sung thức ăn cho bò mẹ trước và sau khi sinh đến khả năng sinh sản của bò lai Brahman nuôi trong nông hộ ở tỉnh Bình Định</i> . Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, tập 15, số 7, năm 2017, tr: 891-904.	
15	Hoàng Thị Mai, Nguyễn Thị Tiếng. <i>Một số đặc điểm cơ bản của giống lợn Xao Va</i> . Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Chuyên đề giống cây trồng vật nuôi, tập 2, năm 2017, tr: 110-116.	
16	Văn Ngọc Phong, Hoàng Thị Mai, Lê Đình Phùng và Nguyễn Xuân Bả. 2018. <i>Đặc điểm sinh lý và năng suất sinh sản của lợn nái PIC/GF24 trong điều kiện chăn nuôi công nghiệp</i> . Tạp Chí Hội Chăn Nuôi. 232(5):18-	
17	Hoàng Thị Mai, Lê Đình Phùng, Nguyễn Xuân Bả, Văn Ngọc Phong, Phan Vũ Hải, Nguyễn Đình Thuỳ Khương, Trần Thanh Hải, Phạm Hoàng Sơn Hưng, Nguyễn Minh	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
	Hoàn và Hồ Lê Quỳnh Châu. 2019. <i>Năng suất sinh sản của lợn nái GF24 khi được phối giống với các dòng đực GF337, GF280 và GF399 trong điều kiện chăn nuôi công nghiệp ở miền Trung</i> . Tạp Chí Khoa Học Đại Học Huế. 128(3C):37-49.	
18	Hoàng Thị Mai, Lê Đình Phùng, Nguyễn Xuân Bả, Văn Ngọc Phong và Trần Thanh Hải. 2019a. <i>Sinh trưởng và tiêu tốn thức ăn của ba tổ hợp lợn lai GF337xGF24, GF280xGF24 và GF399xGF24 trong điều kiện chăn nuôi công nghiệp chuồng kín ở miền Trung</i> . Tạp chí Khoa Học Kỹ Thuật Chăn Nuôi. 251(11):24-30.	
19	Hoàng Thị Mai, Lê Đình Phùng, Nguyễn Xuân Bả, Văn Ngọc Phong và Hồ Lê Quỳnh Châu. 2019b. <i>Năng suất, chất lượng thịt của 3 tổ hợp lợn lai GF337xGF24, GF280xGF24 và GF399xGF24 nuôi công nghiệp chuồng kín ở miền Trung</i> . Tạp chí Khoa Học Kỹ Thuật Chăn Nuôi. 252(12):42-50.	
20	Hoàng Thị Mai, Nguyễn Xuân Bả, Lê Đức Thọ, Trần Ngọc Long, Hồ Lê Quỳnh Châu và Lê Đình Phùng. 2020. <i>Tăng khối lượng, tiêu tốn thức ăn và hiệu quả kinh tế của tổ hợp lai GF399xGF24 ở các khối lượng giết mổ khác nhau</i> . Tạp chí Khoa Học Kỹ Thuật Chăn Nuôi. 255(3):24-29.	
21	Lê Đình Phùng, Hoàng Thị Mai, Nguyễn Xuân Bả, Trần Ngọc Long, Lê Đức Thọ, Văn Ngọc Phong và Hồ Lê Quỳnh Châu. 2020a. <i>Sức sản xuất thịt của tổ hợp lai GF337xGF24 ở các khối lượng giết mổ khác nhau</i> . Tạp Chí Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn. 3:63-72.	
22	Lê Đình Phùng, Nguyễn Xuân Bả, Hoàng Thị Mai, Lê Đức Thọ, Trần Ngọc Long, Văn Ngọc Phong và Hồ Lê Quỳnh Châu. 2020b. <i>Năng suất, chất lượng thịt của tổ hợp lai GF399xGF24 ở các khối lượng giết mổ khác nhau</i> . Tạp chí Khoa Học Kỹ Thuật Chăn Nuôi. 255(3):29-35.	
23	Lê Đình Phùng, Hoàng Thị Mai, Nguyễn Xuân Bả, Văn Ngọc Phong, Trần Thanh Hải, Huỳnh Thị Mai Hồng và Hồ Lê Quỳnh Châu. 2019. <i>Ảnh hưởng của các tổ hợp lai GF280xGF24, GF337xGF24, GF399xGF24 và 2 khẩu phần thức ăn đến sinh trưởng và năng suất thịt của lợn trong điều kiện chăn nuôi công nghiệp</i> . Tạp Chí Khoa Học Kỹ Thuật Chăn Nuôi, 248(9) 16-22.	
24	Lê Đình Phùng, Hoàng Thị Mai, Nguyễn Xuân Bả, Văn Ngọc Phong, Trần Thanh Hải, Nguyễn Minh Hoàn và Hồ Lê Quỳnh Châu. <i>Ảnh hưởng của các tổ hợp lợn lai GF280xGF24, GF337xGF24, GF399xGF24 và 2 khẩu phần thức ăn đến chất lượng thân thịt trong điều kiện nuôi công nghiệp</i> . Tạp Chí Khoa Học Kỹ Thuật Chăn Nuôi, 250(10) 13-21	
25	Nguyễn Xuân Bả, Đinh Văn Dũng, Nguyễn Thị Mùi, Nguyễn Hữu Văn, Phạm Hồng Sơn, Hoàng Thị Mai, Trần Thanh Hải, Rowan Smith, David Parsons, Jeff Corfield. <i>Hiện trạng hệ thống chăn nuôi bò sinh sản trong nông hộ ở vùng Duyên hải Nam Trung bộ, Việt Nam</i> . Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, số 21, năm 2015.	
21	Bui HTH, Thi Pham T, Thi Thu Nguyen H, Minh Do T, Thi Nga V, Bac ND, Huyen	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
	VTB, Le HM, Tran QC “ <i>Transformation Chlorophyll a of Spirulina platensis to Chlorin e6 Derivatives and Several Applications</i> ”. Open Access Macedonian Journal of Medical Sciences, Vol. 7 No. 24 (2019): Dec 30 (Basic and Clinical Medical Researches in Vietnam):4372-4377	
22	Lê Minh Hải ¹ , Phạm Thị Tâm ² , Tô Long Thành ³ , Mẫn Hồng Phước ² , “Phân lập và xác định một số đặc điểm sinh học của vi khuẩn <i>Photobacterium damsalae</i> gây bệnh tụ huyết trùng trên cá biển”, Tạp chí NN và PTNT số 20	
23	Lê Minh Hải ¹ , Phạm Thị Tâm ² , Tô Long Thành ³ “ Nghiên cứu mức độ tạo đáp ứng miễn dịch của các dòng vi khuẩn <i>Photobacterium damsalae</i> đột biến giảm độc lực.” Tạp chí nông nghiệp và phát triển nông thôn. số 17/2017, tr: 104-107.	
24	Lê Minh Hải ¹ , Phạm Thị Tâm ² , Tô Long Thành ³ “Nghiên cứu tạo chủng vi khuẩn <i>Photobacterium damsalae</i> đột biến giảm độc lực”, Tạp chí KHKT Thú y số 1 năm 2017 (trang 45 đến 51)	
25	Lê Minh Hải, Phạm Thị Tâm, Tô Long Thành “Một số đặc điểm chính của <i>Streptococcus agalactiae</i> gây bệnh ở cá rô phi (<i>Oreochromis sp.</i>) nuôi trong môi trường nước lợ”, Tạp chí nông nghiệp và phát triển nông thôn. số 12/2020, tr: 73-79	
26	Lê Minh Hải, Mai Thị Minh Ngọc, Đoàn Quốc Hưng, “ <i>Nghiên cứu tạo chế phẩm nhũ tương từ hợp chất kháng khuẩn của cây bạch đàn trắng (Eucalyptus camaldulensis Dahnhardt) phục vụ phòng bệnh hoại tử gan tụy cấp ở tôm thẻ chân trắng</i> ”, Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Số 20/2020, tr: 85-93	

6.2. Hợp tác quốc tế

Công tác hợp tác quốc tế ngày càng được đẩy mạnh và phát huy hiệu quả, trong đó trong năm 2022 đã tham mưu với nhà trường Ký bản ghi nhớ hợp tác với Trường Đại học quốc gia Jeonbuk, Hàn Quốc. Trên cơ sở đó đã xây dựng dự án ODA hỗ trợ phát triển ngành Chăn nuôi - Thú y như:

- 1) Các hoạt động liên quan đến xây dựng chương trình thú y và tăng cường năng lực giáo dục trong chương trình Thú y & Chăn nuôi
- 2) Các hoạt động liên quan đến tăng cường năng lực nghiên cứu của giảng viên trong chương trình thú y & chăn nuôi
- 3) Các hoạt động liên quan đến đổi mới cơ sở hạ tầng giáo dục, nghiên cứu và hành chính
- 4) Các hoạt động liên quan đến hợp tác khác

VII. ĐIỀU KIỆN VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Tổ chức bộ máy quản lý Viện Nông nghiệp và Tài nguyên đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định trong Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/1/2022 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo để mở ngành đào tạo Thú y.

Viện Nông nghiệp và Tài nguyên giao bộ môn Chăn nuôi – Thú y làm đơn vị đào tạo chịu trách nhiệm chính trong việc tổ chức đào tạo ngành Thú y, các khoa, phòng ban, trung tâm tham gia đào tạo, hỗ trợ đào tạo theo phân cấp quản lý của Nhà trường. Cơ cấu tổ chức bộ máy của Viện Nông nghiệp và Tài nguyên gồm Hội đồng Viện và 5 bộ môn (Chăn nuôi – Thú y, Thủy sản, Khoa học cây trồng, Quản lý tài nguyên và Môi trường, Quản lý đất đai). Bộ môn Chăn nuôi – Thú y thuộc Viện chịu trách nhiệm trực tiếp vận hành tổ chức đào tạo ngành Chăn nuôi và ngành Thú y. Cơ cấu nhân sự bộ môn gồm 6 viên chức: 01 Trưởng bộ môn (TS. Tạ Thị Bình); 3 TS (Nguyễn Đình Vinh, Hoàng Thị Mai, Trần Xuân Minh), 01 ThS - NCS (Nguyễn Thị Hương Giang), 01 cử nhân (Hoàng Thị Hằng). Ngoài ra, còn 10 viên chức thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, nghiệp vụ theo chức danh nghề nghiệp viên chức và theo ngạch viên chức trong đơn vị. Như vậy, có thể khẳng định tổ chức bộ máy quản lý của Viện và bộ môn đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định trong Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/1/2022 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo để mở ngành đào tạo Thú y.

Trong quá trình tổ chức hoạt động lãnh đạo Viện phối hợp tốt và có sự hỗ trợ từ phòng Đào tạo. Danh sách quản lý cấp Viện đối với ngành Thú y, trình độ đại học, cụ thể:

Bảng 20. Danh sách cán bộ quản lý cấp Viện đối với ngành Thú y, trình độ đại học

TT	Họ và tên	Trình độ đào tạo	Chức vụ hiện tại
1	Nguyễn Đình Vinh	Tiến sĩ	Viện trưởng
2	Lê Minh Hải	Tiến sĩ	Phó Viện trưởng
3	Tạ Thị Bình	Tiến sĩ	Trưởng bộ môn Chăn nuôi – Thú y
4	Hoàng Vĩnh Phú	Tiến sĩ	Trưởng phòng Đào tạo

VIII. PHƯƠNG ÁN, GIẢI PHÁP ĐỀ PHÒNG, NGĂN NGỪA, XỬ LÝ RỦI RO TRONG MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

8.1. Phân tích tình hình, dự báo các rủi ro khi mở ngành

Từ tiếp cận SWOT, Viện Nông nghiệp và Tài nguyên xác định các điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức trong mở ngành đào tạo Thú y như sau: (i) điểm mạnh là có đội

ngũ cán bộ, giảng viên có trình độ chuyên môn cao, năng động, tích cực, có trách nhiệm, có khả năng làm việc với cường độ cao, giảng viên có tâm huyết; thường xuyên cập nhật, đổi mới phương pháp giảng dạy; có khả năng linh hoạt trong đổi mới chương trình đào tạo; (ii) điểm yếu là thiếu kinh nghiệm, chính sách tạo động lực chưa cao; (iii) cơ hội là nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực ngành Thú y rất cao; và (iv) thách thức là mức độ cạnh tranh cao giữa các trường đào tạo ngành Thú y; nhu cầu về chất lượng nhân lực ngày càng cao, điều này đòi hỏi ngành Thú y phải không ngừng cải tiến về chất lượng; mong đợi của người học và nhà sử dụng lao động. Để phát huy điểm mạnh, tận dụng cơ hội cũng như khắc phục điểm yếu, giải quyết các thách thức, Chúng tôi xác định các phương án, giải pháp như sau:

8.1.1. Quản lý đầu vào

Việc xác định nhu cầu đào tạo đối với ngành Thú y là một trong những khâu quan trọng trong công tác quản lý đào tạo. Qua đó, giúp Viện chủ động xây dựng kế hoạch, triển khai các chương trình đào tạo và các điều kiện bảo đảm chất lượng cho đào tạo như: đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho việc đào tạo một cách có cơ sở khoa học và thực tiễn. Từ đó, nhằm đáp ứng tốt nhu cầu xã hội về số lượng cũng như chất lượng đào tạo. Việc làm này giúp giải quyết được bài toán giữa nhu cầu xã hội và khả năng đào tạo của ngành Thú y. Để đào tạo ngành Thú y đáp ứng được nhu cầu xã hội, Viện xác định mục tiêu đào tạo bao gồm kiến thức, kỹ năng, thái độ, thói quen làm việc; chuẩn trình độ nghề nghiệp; các khối kiến thức cơ bản, cơ sở, chuyên môn và thực hành nghề được thể hiện bằng các đề cương chi tiết học phần với thời lượng tương ứng; quá trình thực hiện và đánh giá kết quả trong khóa đào tạo.

Bên cạnh đó, Viện có kế hoạch rà soát đội ngũ, phát triển đội ngũ ngành Thú y kịp thời. Đề xuất nhà trường thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách, giải pháp phát triển nguồn nhân lực giảng viên, cụ thể như sau: Chuyển đổi cán bộ các ngành đào tạo khác (có chuyên môn gần) sang phụ trách các học phần chung và cơ sở ngành (chuyển 1 cán bộ ngành nông nghiệp, 2 cán bộ ngành khuyến nông); Đào tạo bồi dưỡng số giảng viên thuộc lĩnh vực đã đóng ngành (Ngành Khuyến nông); Cử cán bộ có chuyên môn gần học thạc sỹ chuyên ngành thú y; Tuyển mới 2 cán bộ có chuyên môn đúng ngành Thú y hoặc có chuyên ngành phù hợp (chăn nuôi, khoa học động vật).

Chú trọng công tác tuyển sinh, chất lượng sinh viên đầu vào, xây dựng chương trình đào tạo (tham khảo, đối sánh các trường đại học có đào tạo ngành Thú y uy tín trong

nước và quốc tế). Rà soát cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, tài liệu, giáo trình, bài giảng đảm bảo cho sinh viên học tập, nghiên cứu. Tăng cường hợp tác quốc tế, tìm kiếm các nguồn đầu tư, tài trợ về cơ sở vật chất, trang thiết bị. Trao đổi sinh viên, giảng viên trong hợp tác đào tạo song phương, đa phương với các cơ sở đào tạo và các tổ chức có uy tín trên thế giới.

8.1.2. Quản lý quá trình đào tạo

Quản lý quá trình dạy và học yêu cầu kết hợp đan xen liên tục, mềm dẻo, linh hoạt giữa việc dạy và học cần được hoàn thành trọn vẹn từ khâu chuẩn bị ban đầu cho đến khi có kết quả cuối cùng. Thấy được những thách thức trong quá trình đào tạo ngành Thú y, Viện đã dự báo yếu tố có liên quan; phân tích hiện trạng; xác định mục tiêu; xây dựng hệ thống các giải pháp thực hiện kế hoạch đào tạo, nội dung đào tạo ngành Thú y, đồng thời chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện đào tạo.

Tổ chức, phối hợp với các đơn vị sử dụng nhân lực ngành Thú y để sinh viên được trải nghiệm, rèn nghề. Phối hợp với các trường có đào tạo ngành Thú y để trao đổi kinh nghiệm trong học tập, giảng dạy. Đổi mới kiểm tra đánh giá thông qua các hoạt động thực hành thực tế tại các công ty doanh nghiệp nhằm giúp sinh viên hình thành các năng lực cho người học. Thường xuyên cập nhật, phát triển chương trình đào tạo ngành Thú y đạt chuẩn trong nước và hướng đến đạt chuẩn quốc tế.

8.1.3. Quản lý các yếu tố đầu ra

Kết quả đầu ra có sự gắn kết với kết quả đầu vào và quá trình đào tạo. Nếu kết quả đầu vào và quá trình đào tạo có chất lượng sẽ cho kết quả đầu ra tốt. Tuy vậy, để đánh giá đúng kết quả đầu ra cần có nhiều thông tin từ người học, từ đơn vị sử dụng lao động. Chính vì vậy, xác định được tầm quan trọng của kết quả đầu ra của sinh viên ngành Thú y, Viện đã có kế hoạch, dự báo để đánh giá đúng chất lượng đầu ra bảo đảm sự hài lòng của người học, hài lòng của đơn vị sử dụng lao động và xã hội.

8.2. Quản lý những rủi ro khi mở ngành Thú y

8.2.1. Quản lý rủi ro trên cơ sở phân tích SWOT

Quá trình quản lý rủi ro là một phần không tách rời của quản lý, trên cơ sở phân tích SWOT cho thấy có nhiều rủi ro khi mở ngành Thú y, điển hình như: (i) rủi ro đến chất lượng nguồn nhân lực; (ii) rủi ro tác động đến chất lượng đào tạo; (iii) rủi ro tác động đến tỉ lệ giảng viên chuyên công tác; (iv) rủi ro trong chất lượng tuyển sinh; (v) rủi ro chất lượng đầu ra; (vi) rủi ro trong cạnh tranh giữa các cơ sở đào tạo, không giữ được

mã ngành đào tạo. Để khắc phục 6 rủi ro như dự báo, Viện đã tập trung chỉ đạo thực hiện các biện pháp sau:

Một là, rà soát đội ngũ nguồn nhân lực đào tạo ngành Thú y và xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng (chuyển đổi cán bộ cơ hữu thuộc chuyên ngành gần, cử cán bộ theo học thạc sỹ, nghiên cứu sinh ngành Thú y, tuyển dụng cán bộ thuộc chuyên ngành Thú y); thường xuyên quan tâm, nắm bắt tâm tư nguyện vọng của cán bộ để có cơ sở đề xuất Nhà trường giải quyết, ổn định tư tưởng công tác cho đội ngũ cán bộ;

Hai là, thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực lĩnh vực Thú y, dự báo thị trường lao động; đầu tư công của Nhà nước, chính sách của Nhà nước phát triển vùng; chính sách phát triển nguồn nhân lực ngành Thú y ở các tỉnh vùng;

Ba là, tìm hiểu các cơ sở đào tạo ngành Thú y để phân tích tính cạnh tranh khi mở mã ngành; xác định vùng, đối tượng trọng tâm tuyển sinh để thực hiện công tác tuyển sinh đạt hiệu quả cao nhất;

Bốn là, trao đổi thông tin, tham gia và tham vấn các chuyên gia về những rủi ro, nguyên nhân rủi ro, hậu quả xảy ra; Biện pháp kiểm soát rủi ro; thúc đẩy việc trao đổi thông tin một cách trung thực, dễ hiểu và chính xác, có tính đến khía cạnh bảo mật;

Năm là, tập trung lãnh đạo, quản lý đào tạo ngành Thú y từ kết quả đầu vào, quá trình và đầu ra. Đồng thời thường xuyên đánh giá tình hình bối cảnh để đào tạo nhân lực, phát triển chương trình đào tạo ngành Thú y được cập nhật mới, đáp ứng sự hài lòng của người học, mong đợi của đơn vị sử dụng lao động và mong đợi của xã hội.

8.2.2. Giải pháp xử lý rủi ro trong trường hợp cơ sở đào tạo bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo

Trường hợp cơ sở đào tạo bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo là một rủi ro nghiêm trọng đối với người học, giảng viên, cơ sở đào tạo và các bên liên quan. Để bảo vệ quyền lợi cho tất cả các bên, chúng tôi đề xuất một số giải pháp cụ thể có thể được áp dụng:

Thông báo và tư vấn cho người học: Cung cấp thông tin rõ ràng và đầy đủ về tình hình đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo. Tổ chức buổi tư vấn để giải đáp các thắc mắc và cung cấp hướng dẫn cho người học về các phương án tiếp theo, bao gồm việc chuyển đổi sang các cơ sở đào tạo khác hoặc các giải pháp hỗ trợ tài chính cho người học.

Bảo vệ quyền lợi của người học: Đảm bảo rằng người học được bảo vệ quyền lợi của mình, bao gồm việc giải quyết vấn đề về học phí đã đóng và các khoản vay sinh viên.

Các cơ quan chức năng cần được thông báo để giám sát và đảm bảo quyền lợi của người học.

Bảo vệ quyền lợi của giảng viên: Hỗ trợ giảng viên bằng cách cung cấp thông tin về tình hình và các phương án tiếp theo. Đối thoại với giảng viên về khả năng chuyển đổi hoặc sắp xếp công việc tạm thời trong thời gian ngành đào tạo bị đình chỉ.

Hợp tác với cơ quan quản lý giáo dục: Cơ sở đào tạo nên hợp tác chặt chẽ với cơ quan quản lý giáo dục để giải quyết vấn đề và tìm kiếm các giải pháp. Các cơ quan này có thể hỗ trợ trong việc xem xét lại quy trình kiểm định hoặc đưa ra các phương án khác nhằm đảm bảo chất lượng giáo dục.

Xem xét khả năng tái tổ chức cơ sở đào tạo: Trong một số trường hợp, cơ sở đào tạo có thể xem xét khả năng tái tổ chức và cải thiện vấn đề gây ra đình chỉ. Điều này có thể bao gồm thay đổi quản lý, cải thiện chất lượng giáo dục, hoặc tuân thủ các quy định và tiêu chuẩn quy định.

Thực hiện các biện pháp phục hồi và cải thiện: Sau khi vấn đề đã được giải quyết, cơ sở đào tạo thực hiện các biện pháp phục hồi và cải thiện để đảm bảo các rủi ro tương tự không tái diễn. Điều này có thể bao gồm xem xét và cải thiện quy trình kiểm định, nâng cao chất lượng giáo dục và thúc đẩy sự minh bạch và tuân thủ quy định.

IX. ĐỀ NGHỊ VÀ CAM KẾT THỰC HIỆN

Toàn bộ nội dung hồ sơ đề nghị cho phép đào tạo đã được đưa lên trang website của nhà trường tại địa chỉ: <https://vinhuni.edu.vn/>

Nhà trường cam kết hàng năm đầu tư, mua sắm bổ sung thêm trang thiết bị phục vụ quá trình đào tạo ngành Thú y trình độ đại học.

Đối chiếu với Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/09/2017 về việc Quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình mở ngành đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, cao đẳng của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Viện Nông nghiệp và Tài nguyên - Trường Đại học Vinh có đầy đủ các điều kiện để đảm nhận nhiệm vụ đào tạo Bác sĩ Thú y chính quy.

Vì vậy, kính đề nghị Trường Đại học Vinh cho phép Viện Nông nghiệp và Tài nguyên mở mã ngành đào tạo Thú y, trình độ Đại học, mã số: 7640101

Nơi nhận:

BGH Trường Đại học Vinh
Phòng Đào tạo
Phòng QLKH&HTQT
Viện Nông nghiệp và Tài nguyên
Lưu HCTH

TRƯỞNG ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO



TS. Nguyễn Đình Vinh

